

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẤN ĐƠN

Giấy chứng nhận ĐKKD số 3801068943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 11/10/2004, thay đổi lần thứ chín ngày 18/03/2014

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 80/KCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 . tháng 10 . năm 2014)

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại địa điểm sau từ ngày: / /2014

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẤN ĐƠN - SJD

Trụ sở chính: Thị trấn Thanh Bình, Huyện Bù Đốp, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 0651.3 563 359

Fax: 0651.3 563 133

Website: www.candon.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

Trụ sở chính: 22 Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3772 6868

Fax: (84-4) 3772 6131

Website: <http://www.kls.vn>

Chi nhánh TP.HCM: Lầu 2, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Q.3, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3823 3923

Fax: (84-8) 3827 7380

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Đồng Văn Tâm

Số điện thoại: 0651.3 563 375



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Giấy chứng nhận ĐKKD số 3801068943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 11/10/2004, thay đổi lần thứ chín ngày 18/03/2014

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 80/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 10 năm 2014)

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại địa điểm sau từ ngày: 02/10/2014

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN - SJD

Trụ sở chính: Thị trấn Thanh Bình, Huyện Bù Đốp, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 0651.3 563 359

Fax: 0651.3 563 133

Website: www.candon.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

Trụ sở chính: 22 Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3772 6868

Fax: (84-4) 3772 6131

Website: <http://www.kls.vn>

Chi nhánh TP.HCM: Lầu 2, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Q.3, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3823 3923

Fax: (84-8) 3827 7380

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Đồng Văn Tâm

Số điện thoại: 0651. 3 563 375

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3801068943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 11/10/2004, thay đổi lần thứ chín ngày 18/03/2014)

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI

- Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
- Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
- Tỷ lệ chuyển đổi:**
 - NLC : SJD = 1: 1 (Nghĩa là, 01 cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lor đổi lấy 01 cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn).
- Tổng số lượng phát hành:** 5.000.000 (Năm triệu) cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá):** 50.000.000.000 (Năm mươi tỷ) đồng

ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH/TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS



Trụ sở chính: 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3772 6868 Fax: (84.4) 3772 6131

Website: www.kls.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC



Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 84.4.8241990/1 Fax: 84.4.8253973

Website: www.aasc.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1.	Rủi ro về kinh tế	5
2.	Rủi ro về luật pháp	6
3.	Rủi ro đặc thù.....	6
4.	Rủi ro của đợt phát hành	7
5.	Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu	7
6.	Rủi ro tái cấu trúc	8
7.	Rủi ro khác	8
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	10
1.	Tổ chức phát hành	10
2.	Tổ chức tư vấn/ Đại lý phát hành	10
III.	CÁC KHÁI NIỆM	11
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	12
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	12
2.	Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty	13
3.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.....	17
4.	Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	17
5.	Gới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	19
6.	Hoạt động kinh doanh	19
7.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	26
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	26
9.	Chính sách đối với người lao động	31
10.	Chính sách cổ tức	32
11.	Tình hình tài chính.....	32
12.	Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	37
13.	Tài sản	51
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	52
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	54
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành:	55
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến việc phát hành cổ phiếu: không có	55
V.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CỔ CỔ PHIẾU ĐƯỢC HOÁN ĐỔI - CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI	56
1.	Quá trình hình thành và phát triển.....	56
2.	Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty	57
3.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.....	60
4.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	61
5.	Gới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	62
6.	Hoạt động kinh doanh	62
7.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	65

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	67
9.	Chính sách đối với người lao động	68
10.	Chính sách cổ tức	69
11.	Tình hình tài chính.....	69
12.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	73
13.	Tài sản	82
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của NLC: không có	83
15.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu phát hành: không có.	83
VI.	CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH.....	84
1.	Tên cổ phiếu.....	84
2.	Loại cổ phiếu	84
3.	Mệnh giá	84
4.	Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành	84
5.	Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:.....	84
6.	Thời gian dự kiến phát hành.....	84
7.	Tỷ lệ chuyển đổi	84
8.	Đối tượng chuyển đổi.....	84
9.	Phương thức phân phối	84
10.	Thời gian và lịch trình thực hiện phân phối cổ phiếu.....	84
11.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài	85
12.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	85
13.	Cam kết tuân thủ Luật Doanh nghiệp 2005 về sáp nhập và sửa đổi Điều lệ sau sáp nhập theo đúng quy định hiện hành và các quy định của Luật cạnh tranh	85
14.	Các loại thuế có liên quan.....	86
VII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	88
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH	90
IX.	PHỤ LỤC.....	90

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh điện (*thủy điện*) nên chịu tác động chủ yếu từ sự thay đổi của yếu tố thời tiết. Ngoài ra, là một công ty cổ phần hoạt động trong nền kinh tế nên hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu tác động trực tiếp từ thay đổi của nền kinh tế như tăng giảm tốc độ tăng trưởng GDP, biến động của lạm phát hay thay đổi trong chính sách tài khóa, tiền tệ và các rủi ro khác trong ngành.

1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Nền kinh tế Việt Nam đang trải qua giai đoạn hết sức khó khăn. Rất nhiều bộ phận của nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài từ năm 2008 đến nay. Tuy nhiên, về cơ bản, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành thủy điện ít chịu tác động từ chu kỳ của nền kinh tế mà chủ yếu phụ thuộc vào các điều kiện thời tiết, độ ổn định của các nguồn nước. Lưu lượng, độ ổn định của nguồn nước thiên nhiên cùng với điều kiện thời tiết mới là những yếu tố chính quyết định tới sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Do đó, rủi ro về chu kỳ kinh tế đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn là không đáng kể.

Rủi ro về lạm phát



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Một thành công lớn trong năm 2013 của Chính phủ Việt Nam là đã kiềm chế được lạm phát theo đúng mục tiêu đề ra. Chỉ số lạm phát năm 2013 thấp nhất trong vòng 10 năm, ở mức 6,04%. Nhóm hàng hoá và dịch vụ đóng góp chủ yếu vào mức tăng CPI trong năm qua là thuốc và dịch vụ y tế (tăng 18,97%), giáo dục (tăng 11,71%), điện (tăng 10%), và giá gas (tăng 5%). Có thể thấy giữ mức lạm phát thấp hơn mục tiêu đề ra (8%) là một thành tựu của chính sách vĩ mô trong năm vừa qua nhằm ổn định kinh tế, hướng đến tăng trưởng bền vững. Đây cũng là cơ sở để ngân hàng nhà nước có thể tiếp tục giảm lãi suất trong thời gian tới nhằm thúc đẩy nền kinh tế, vượt qua khủng hoảng.

Tuy nhiên, cũng như những phân tích nêu trên về đặc thù hoạt động của Công ty, có thể thấy Công ty ít chịu tác động bởi biến động của lạm phát đến hoạt động sản xuất kinh doanh điện thương phẩm của Công ty. Do vậy, rủi ro về lạm phát đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Cần đơn là không đáng kể.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Hiện tại, Công ty có khoản vay lớn là Hợp đồng vay có giá trị hơn 104 tỷ với Ngân hàng ADB (*vay thông qua Tổng Công ty Sông Đà*) (*lãi suất LIBOR + chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo*). Như vậy, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng nhất định từ việc biến động lãi suất trên thị trường.

2. Rủi ro về luật pháp

Mọi hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế thu nhập cá nhân... Tuy nhiên, hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện, do đó các luật và văn bản dưới luật này sẽ có thể được chỉnh sửa cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những sự thay đổi này sẽ có thể gây ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty Cổ phần Thủy Điện Cần Đơn luôn tiếp cận sớm và tham khảo các chính sách, văn bản mới nhất nhằm triển khai thực hiện theo đúng các quy định pháp lý, hạn chế rủi ro về pháp lý có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh.

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro về điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất tới các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Đối với các nhà máy thủy điện, công suất vận hành của nhà máy phụ thuộc vào lượng nước mưa để tích nước cho hồ chứa, tức là phụ thuộc hoàn toàn vào điều kiện khí hậu thời tiết. Trường hợp hạn hán kéo dài làm cho trữ lượng nước trong hồ chứa thấp sẽ ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra thiên tai cũng gây ra thiệt hại, sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

Nhà máy thủy điện Cần Đơn của Công ty nằm trên địa bàn tỉnh Bình Phước, thuộc vùng Đông Nam Bộ. Khí hậu Bình Phước mang tính chất nhiệt đới gió mùa điển hình, phân chia làm hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 tới tháng 10, mùa khô từ tháng 11 tới tháng 4 năm sau. Lượng mưa trung bình hàng năm 2110 mm. Do nằm trong vùng nội chí tuyến Bắc bán cầu, cận xích đạo nên nhiệt độ trung bình hàng năm khá cao từ 25,6°C đến 27,3°C.

Nhà máy thủy điện Ry Ninh II của Công ty nằm trên địa bàn huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai, thuộc khu vực Tây Nguyên. Gia Lai có khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên, chia làm hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình hàng năm từ 21oC đến 25oC. Vùng Tây Trường Sơn có lượng mưa trung bình năm từ 2.200 mm - 2.500 mm, vùng Đông Trường Sơn từ 1.200 mm - 1.750 mm.

Trong vài năm gần đây, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, điều kiện thời tiết ở khu vực Đông Nam Bộ

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

và Tây Nguyên diễn biến theo xu hướng không thuận lợi cho hoạt động của các nhà máy thủy điện. Các tỉnh Đông Nam Bộ như Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Dương, Bình Phước...thường xuyên đối diện nguy cơ xảy ra hạn hán trầm trọng và kéo dài. Mùa mưa thường kết thúc sớm; mùa khô ít có những cơn mưa trái mùa. Nhiệt độ trung bình các năm đã tăng tương đối cao. Nhiệt độ trong mùa khô có thể lên đến 38°C-40°C. Những diễn biến bất lợi về thời tiết nói trên sẽ gây nhiều khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà máy thủy điện, đòi hỏi nhà máy phải nắm vững được tình hình dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án dự phòng vận hành lòng hồ, điều độ máy móc, nhân lực để vận hành nhà máy đạt công suất cao nhất có thể và đảm bảo suất tiêu hao nước/1KWh là thấp nhất. Ngoài ra, Công ty cũng cần phải thực hiện các biện pháp phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đập, đường dây truyền tải điện của nhà máy và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

4. Rủi ro của đợt phát hành

Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi. Theo phương án sáp nhập đã được ĐHĐCĐ của các bên thông qua, NLC sẽ sáp nhập vào SJD bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu. Do đó đợt phát hành này của SJD sẽ không có rủi ro về việc không phát hành hết số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành.

5. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS):

Đối với đợt phát hành để hoán đổi cổ phiếu đợt này của SJD, mặc dù Tỷ lệ hoán đổi cổ phần giữa SJD và NLC đã được tính toán một cách hợp lý dựa trên giá cổ phiếu của hai công ty. Tuy nhiên, Nhà đầu tư cũng cần lưu ý rằng lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ làm tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của SJD. Do vậy, có thể sẽ làm thay đổi EPS của cổ phiếu SJD. Cụ thể:

- Tổng số cổ phiếu đăng ký phát hành: **5.000.000** cổ phiếu;
- Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS):

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

- Giả sử, số lượng cổ phiếu phát hành thêm được đưa vào lưu hành bắt đầu từ tháng 12/2014, số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2014 được tính như sau:

$$\begin{aligned} \text{Số lượng cổ phiếu} & & (40.999.150 \cdot 11) + (45.999.150 \cdot 1) \\ \text{lưu hành bình quân} & = & \frac{\quad}{12} = 41.415.816 \text{ (cổ phiếu)} \\ \text{trong kỳ} & & \end{aligned}$$

Sự thay đổi EPS của cổ phiếu SJD như sau:

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Chỉ tiêu	Trường hợp không phát hành cổ phiếu để hoán đổi	Trường hợp phát hành cổ phiếu để hoán đổi	Tăng/ giảm (%)
Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2014 (đồng)	127.353.000.000	140.226.000.000	10,11
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân năm 2014 (<i>cổ phiếu</i>)	40.999.150	41.415.816 ¹	1,02
EPS dự kiến 2014 (đồng/ cổ phiếu)	3.106	3.386	9,00

Như vậy, với kế hoạch lợi nhuận sau thuế (*sau khi đã sáp nhập*) tăng lên do lợi ích cộng gộp đem lại từ việc sáp nhập, EPS của Công ty sẽ tăng lên và rõ ràng theo kế hoạch này thì **không có rủi ro pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần**.

Thị giá (giá giao dịch) của cổ phiếu SJD:

Số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Thủy Điện Cần Đơn trước khi sáp nhập là 40.999.150 cổ phiếu. Công ty dự kiến phát hành thêm 5.000.000 cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi, tỷ lệ số cổ phiếu phát hành thêm bằng 12,2% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty. Do cổ phiếu phát hành thêm được sử dụng để hoán đổi cổ phiếu thực hiện việc sáp nhập nên thị giá cổ phiếu SJD không bị điều chỉnh giảm trên sàn.

6. Rủi ro tái cấu trúc

Bên cạnh những rủi ro gặp phải được liệt kê ở trên, hoạt động sáp nhập còn tiềm ẩn những rủi ro và thách thức như sau:

- Thị giá của SJD có thể bị ảnh hưởng: Do số lượng cổ phiếu SJD được phát hành để hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi nên không bị điều chỉnh giảm về giá giao dịch khi thực hiện chốt danh sách phân bổ cổ phần. Tuy nhiên, xét về bản chất khi số lượng cổ phiếu giao dịch tăng lên (*tăng 12,2% so với trước phát hành*) sẽ có thể ảnh hưởng đến thị giá giao dịch của cổ phiếu SJD trên thị trường.
- Những giá trị cộng hưởng thực tế mang lại sẽ không đạt được như kỳ vọng ban đầu của ban lãnh đạo công ty cũng như cổ đông các bên.
- Quyền biểu quyết: Quyền biểu quyết của Cổ đông hiện hữu của SJD sẽ bị giảm do số lượng cổ phần phát hành thêm để hoán đổi cổ phần đợt này không phát hành cho cổ đông hiện hữu. Do đó, tỷ lệ cổ phần sở hữu của cổ đông SJD sau phát hành sẽ giảm xuống, do đó quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm xuống tương ứng.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... nếu có xảy ra có thể gây ảnh hưởng đến quá trình xây dựng dự án như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt

¹ Dự kiến việc phát hành cổ phiếu SJD để hoán đổi hoàn thành trong tháng 11 năm 2013.

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

hại và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN (SJD)

Ông: Nguyễn Văn Sơn	-	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Mai Ngọc Hoàn	-	Chức vụ: Tổng giám đốc
Ông: Đông Văn Tâm	-	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà: Nguyễn Thị Tuyết Mai	-	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn/ Đại lý phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG (KLS)

Ông: Phạm Vĩnh Thành	-	Chức vụ: Tổng Giám đốc
-----------------------------	---	------------------------

Theo Giấy ủy quyền số 308/2011/UQ-KLS của Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Chứng khoán Kim Long.

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

BCTC	:	Báo cáo tài chính
BKS	:	Ban kiểm soát
BTGD	:	Ban Tổng Giám đốc
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
DT BH&CCDV	:	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
DTT	:	Doanh thu thuần
DHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
Giấy CNĐKKD	:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
HDQT	:	Hội đồng quản trị
HNX	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HSX	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
KLS	:	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Kim Long
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
NLC	:	Mã cổ phiếu/tên viết tắt của Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi
SJD	:	Mã cổ phiếu/tên viết tắt của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
Thủy điện Cần Đơn	:	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
Thủy điện Nà Loi	:	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi
TTLKCKVN/VSD	:	Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
Thuế TNDN	:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TDT	:	Tổng doanh thu
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
VĐL	:	Vốn điều lệ
Việt Nam	:	Nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam
VNĐ	:	Đồng Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN
Tên Tiếng Anh	:	CAN DON HYDRO POWER JOINT STOCK COMPANY
Trụ sở chính	:	Thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
Điện thoại	:	0651.3563359 Fax: 0651.3563133
Website	:	www.candon.com.vn
Giấy CNĐKKD	:	3801068943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 11/10/2004, thay đổi lần thứ chín ngày 18/03/2014
Vốn điều lệ	:	409.991.500.000 (Bốn trăm linh chín tỷ, chín trăm chín mươi một triệu, năm trăm nghìn) đồng
Tài khoản số	:	102010000293613
Tại	:	Chi nhánh Ngân hàng Công thương tỉnh Bình Phước

Lĩnh vực hoạt động chính:

- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Đào tạo cán bộ công nhân viên vận hành nhà máy thủy điện;
- Thí nghiệm và hiệu chỉnh thiết bị điện.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn được thành lập theo quyết định số 1331/QĐ-BXD ngày 17/08/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty BOT Cần Đơn thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty cổ phần.

Trong giai đoạn từ khi thành lập Công ty BOT đến khi nhà máy đi vào vận hành Công ty chỉ tập trung vào nhiệm vụ chính là quản lý, tổ chức thi công công trình thủy điện Cần Đơn, theo ủy quyền của Tổng Công ty Sông Đà. Kể từ ngày 11/10/2004, Công ty chính thức đổi thành Công ty Cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Ngày 24/09/2004, Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập và ngày 11/10/2004 Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4403000032 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp.

Công ty thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II trong năm 2013 và ngày 18/12/2013, Công ty thay đổi lần thứ bảy Giấy CNĐKKD với mã số Giấy CNĐKKD 0100105870-010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp, sáp nhập Công ty cổ phần Thủy điện Ry Ninh II vào Công ty

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

cổ phần Thủy điện Cần Đơn, tăng vốn điều lệ Công ty lên hơn 409 tỷ đồng. Ngày 18/03/2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 với mã số doanh nghiệp là 3801068943.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2005, Công ty đã xin ý kiến và được ĐHĐCĐ thông qua việc đưa cổ phiếu của Công ty niêm yết tại trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (*nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh*) vào ngày 25/12/2006.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của BKS, của HĐQT và của các kiểm toán viên;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS và phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT của Công ty gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý công ty;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

BAN KIỂM SOÁT

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ không quá 5 năm thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ của Ban:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại điều lệ.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc điều hành, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh; chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

CÁC PHÒNG BAN, PHÂN XƯỞNG CHỨC NĂNG CỦA CÔNG TY

Phòng Tổ chức - Hành chính

Phòng Tổ chức - Hành chính có chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty trong công tác Tổ chức - cán bộ; lao động, tiền lương và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động; công tác hành chính quản trị, bảo vệ, công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật.

Phòng Kinh tế - Kế hoạch

Phòng Kinh tế - Kế hoạch có chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty trong công tác kế hoạch, kinh tế.

Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán có chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý kinh tế tài chính, công tác kế toán và hạch toán kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế tài chính của công ty.

Phòng Kỹ thuật - Công nghệ

Phòng Kỹ thuật - Công nghệ có chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty trong công tác quản lý kỹ thuật, điều hành sản xuất; công tác sửa chữa lớn thiết bị công nghệ của nhà máy và xử lý các sự cố đặc biệt; công tác kỹ thuật an toàn bảo hộ lao động, phòng cháy chữa cháy, phòng chống lụt bão.

Phân xưởng vận hành

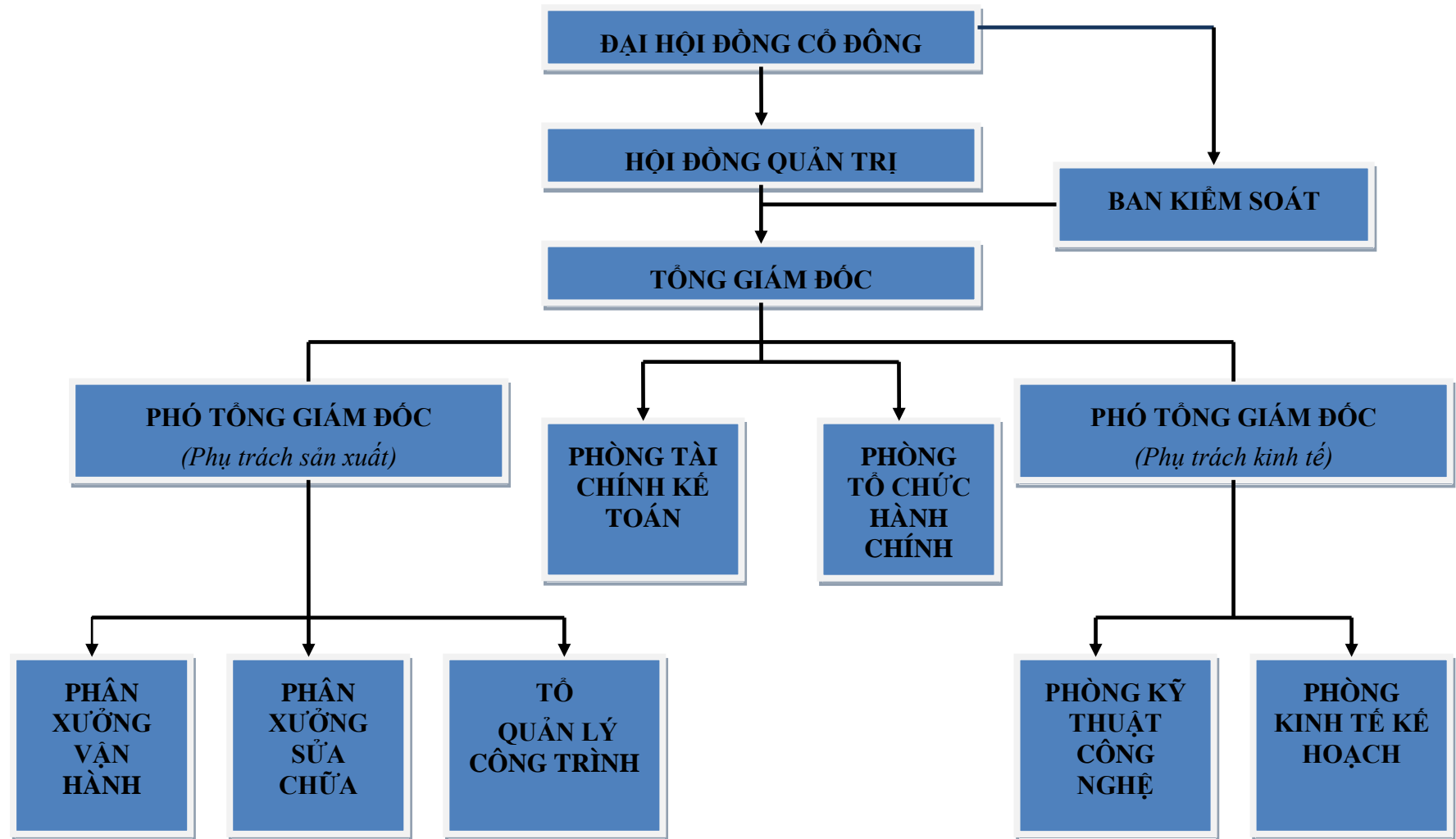
Phân xưởng Vận hành có chức năng giúp Tổng Giám đốc quản lý vận hành an toàn, kinh tế các máy móc, thiết bị công nghệ của Nhà máy thủy điện Cần Đơn phù hợp với Quy trình phối hợp vận hành nhà máy trong Hệ thống điện quốc gia nhằm khai thác có hiệu quả nhất các điều kiện sản xuất để phát huy công suất, sản lượng điện theo kế hoạch sản xuất hàng ngày, tuần, tháng, quý, năm của Công ty.

Phân xưởng sửa chữa

Phân xưởng sửa chữa có chức năng giúp Tổng Giám đốc trong lĩnh vực sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị toàn Công ty nhằm khôi phục tính năng kỹ thuật, phát huy cao nhất hiệu quả trong SXKD của Công ty.

Tổ quản lý công trình

Phân xưởng quản lý công trình có chức năng giúp Tổng Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý, theo dõi, kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống các hạng mục công trình thủy công Nhà máy, các hạng mục công trình kiến trúc xây dựng, hệ thống đường giao thông nội bộ, các khuôn viên.



Nguồn: SJD

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần tại ngày 18/03/2014

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ ĐKSH	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN NẮM GIỮ	TỶ LỆ NẮM GIỮ
1	Tổng Công ty Sông Đà	0100105870	Tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, Hà Nội	20.890.704	50,95%
2	ERIKOISSIJOITUSRAHASTO ELITE (MUTUAL FUND ELITE (NON-UCITS))	CA5604	C/O PYN RAHASTOYHTIO OY, TEHTAANKATU 29A, 00150, HELSINKI, FINLAND	3.220.300	7,85%
3	VIETNAM INFRASTRUCTURE HOLDING LTD	CS6896	Phòng 1703, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Hồ Chí Minh	5.194.250	12,67%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 18/03/2014 của SJD

3.2. Cơ cấu cổ đông tại ngày 18/03/2014

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
I	Trong nước	1.978	29.006.197	70,75%
1	Tổ chức	46	21.166.754	51,63%
2	Cá nhân	1.932	7.839.443	19,12%
II	Nước ngoài	185	11.992.953	29,25%
1	Tổ chức	16	11.016.558	26,87%
2	Cá nhân	169	976.395	2,38%
TỔNG CỘNG		2.163	40.999.150	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 18/03/2014 của SJD

4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Công ty mẹ - Tổng Công ty Sông Đà

- Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà - Đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 38541164 Fax: (84-4) 38541161
- Số ĐKKD: 0100105870

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

- Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ: **50,95%** vốn điều lệ, tương đương **20.890.704** (*Hai mươi triệu, tám trăm chín mươi nghìn, bảy trăm linh tư*) cổ phiếu

Công ty con - Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên

- Công ty cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên được thành lập theo Hợp đồng thành lập số 01 CP/SD/2007, tháng 7 năm 2007.
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 5900421948, cấp ngày: 22/11/2012, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai.
- Vốn điều lệ là đăng ký: 75,0 tỷ đồng (*tương đương 7.500.000 cổ phần*).
- Cổ đông sáng lập và tỷ lệ góp vốn:
 - ✓ Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II: 81,25% VĐL
 - ✓ Công ty Cổ phần Sông Đà 4: 13,93% VĐL
 - ✓ Các cổ đông khác: 4,82% VĐL
- Số vốn điều lệ thực góp tính đến ngày 30/06/2014: 55.540.289.463 đồng
Trong đó:
 - ✓ Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (*kế thừa một phần từ phần góp vốn của Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II*): 41.476.709.463 đồng;
 - ✓ Công ty Cổ phần Sông Đà 4: 10.445.280.000 đồng;
 - ✓ Các cổ đông khác: 3.618.300.000 đồng.
- Dự án do Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên thực hiện:
Dự án Thủy điện Hà Tây được nghiên cứu xây dựng trên suối Đăk Pơ Tang là một nhánh suối lớn thượng nguồn của sông Đăk Bla và là thượng nguồn của sông Sê San. Công trình xây dựng tại khu vực lâm trường Hà Tây, xã Hà Tây, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai, cách thị xã Kon Tum khoảng 20 km về phía Bắc và cách hồ thủy điện Yaly 28 km, cách thành phố Pleiku khoảng 50 km về phía Bắc.
 - ✓ Tên dự án: Công trình Thủy điện Hà Tây
 - ✓ Địa điểm xây dựng: Xã Hà Tây, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
 - ✓ Công suất thiết kế: 9,0 MW
 - ✓ Điện lượng trung bình hàng năm (E_0): 37,95 triệu Kwh
 - ✓ Dự kiến hoàn thành: Quý IV/2014



Hình ảnh công trường Dự án Thủy điện Hà Tây

5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

STT	THỜI ĐIỂM TĂNG VỐN	GIÁ TRỊ VỐN TĂNG THÊM (đồng)	HÌNH THỨC TĂNG VỐN	ĐƠN VỊ CẤP PHÉP
1	2007	60.000.000.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 18%, Thương cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 12%	ĐHĐCĐ UBCKNN
2	2008	38.996.290.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%	ĐHĐCĐ UBCKNN
3	2010	59.795.210.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20%	ĐHĐCĐ UBCKNN
4	2013	51.200.000.000	Phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu RHC ² theo tỷ lệ hoán đổi RHC: SJD = 1:1	ĐHĐCĐ UBCKNN

Nguồn: SJD

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Trong năm 2013, Công ty tiến hành nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II. Hiện tại, Công ty đang vận hành hai nhà máy thủy điện: Nhà máy thủy điện Cần Đơn và nhà máy thủy điện Ry Ninh II.

Nhà máy thủy điện Cần Đơn

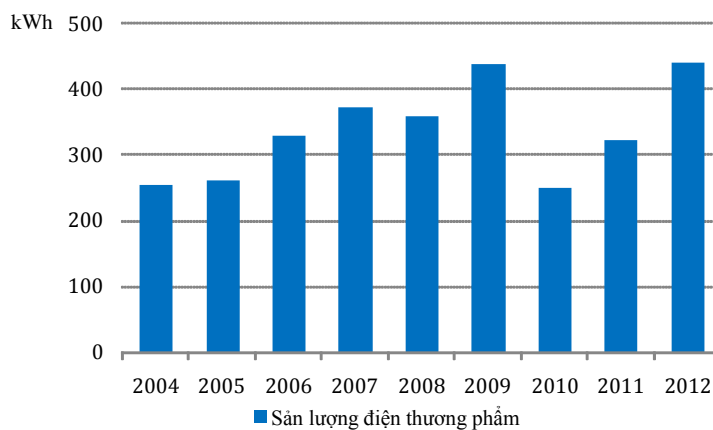
Nhà máy thủy điện Cần Đơn được khởi công xây dựng vào ngày 05/05/2000 và chính thức đi vào vận hành từ cuối năm 2003. Với công suất thiết kế 77,6 MW, số giờ sử dụng công suất lắp máy là 4.200 h/năm, sản lượng điện thương phẩm thiết kế bình quân hàng năm ở mức 292 triệu kWh.

² RHC là mã cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II.

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

- Địa điểm nhà máy: TT Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
- Ngày khởi công: 05/05/2000
- Ngày hoàn thành: 31/12/2003
- Ngày phát điện và hòa lưới điện quốc gia: Tổ máy số 1 ngày 20/11/2003; Tổ máy số 2 ngày 01/01/2004
- Hình thức đầu tư: BOT (*Hợp đồng BOT ký với Bộ Công nghiệp ngày 07/10/1999, thời hạn 25 năm kể từ ngày đi vào hoạt động*).
- Tổng vốn đầu tư (*đã kiểm toán*): ~ 1.117 tỷ đồng
- Công suất thiết kế: 77,6 MW
- Công nghệ: Tuabin, máy phát (*Nga*), thiết bị điều khiển (*Metso – Hoa Kỳ*).
- Số tổ máy: 02
- Số giờ sử dụng công suất lắp máy: 4.200 h
- Sản lượng điện trung bình theo thiết kế: 292 triệu kWh
- Hợp đồng mua bán điện ký giữa Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà (*nay là Tổng Công ty Sông Đà*) và EVN (*1999*): Giá bán điện cố định 0,045 USD/kWh cố định trong 25 năm (*đối với sản lượng điện đến mức bình quân 292 triệu kWh*), giá bán điện 0,0225 USD/kWh (*đối với sản lượng điện trên mức 292 triệu kWh*).

Sản lượng điện thương phẩm thực tế từ khi đi vào vận hành đến nay





Toàn cảnh khu làm việc của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn



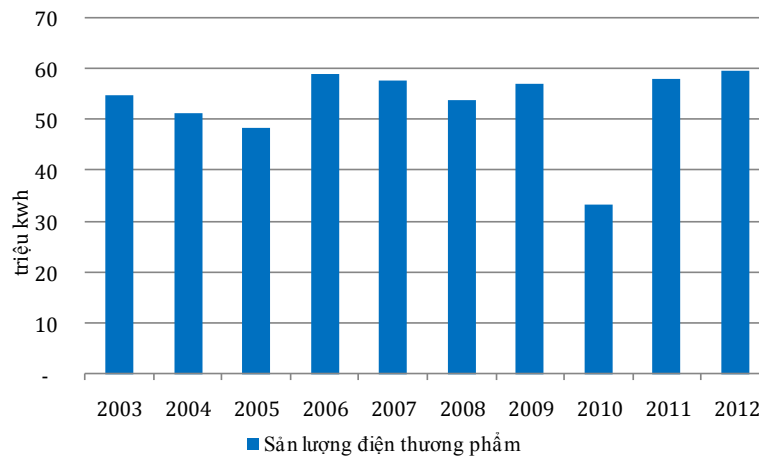
Hình ảnh Nhà máy thủy điện Cần Đơn đang xả tràn

Nhà máy thủy điện Ry Ninh II

- **Địa điểm nhà máy:** Xã Yaly, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
- **Khởi công:** 11/1999
- **Hoàn thành:** 04/2002
- **Ngày phát điện và hòa lưới điện quốc gia:** Ngày 26/04/2002, nhà máy chính thức đưa vào vận hành và hòa lưới điện 03 tổ máy với tổng công suất 8,1 MW.
- **Hình thức đầu tư:** BOO (*công ty tự bỏ vốn xây dựng và vận hành khai thác*).
- **Tổng vốn đầu tư (đã kiểm toán):** ~139 tỷ đồng
- **Công suất thiết kế:** 8,1MW
- **Số tổ máy:** 03
- **Sản lượng điện trung bình:** 53,4 triệu KWh/năm
- **Hợp đồng mua bán điện ký giữa Tổng công ty Xây dựng Sông Đà và Công ty Điện lực 3 – EVN ngày 29/12/1999:** Giá bán điện cố định 0,041 USD/kwh cố định trong 20 năm. Từ năm thứ 21 trở đi hai bên sẽ bàn bạc xem xét để thay đổi hoặc giữ nguyên giá tùy thuộc vào Luật, chế độ, chính sách của nhà nước liên quan đến Hợp đồng đã ký.

Sản lượng điện thương phẩm

Sản lượng điện thương phẩm của RHC giai đoạn 2003-2012



**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**



Hình ảnh Nhà máy Thủy điện Ry Ninh II

CƠ CẤU DOANH THU THEO GIÁ TRỊ DỊCH VỤ

Đơn vị: triệu đồng

STT	SẢN PHẨM	NĂM 2012		NĂM 2013		6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng	343.891	99,73%	308.737	99,69%	153.156	99,52%
2	Doanh thu tiêu dùng nội bộ	934	0,27%	958	0,31%	426	0,28%
3	Doanh thu cung cấp điện cho nhà thầu	-	-	-	-	243	0,16%
4	Doanh thu khác	-	-	-	-	68	0,04%
Doanh thu thuần		344.825	100,00%	309.695	100,00%	153.893	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2013, BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 của SJD

Kể từ khi đi vào vận hành đến nay, Doanh thu bán hàng của SJD luôn duy trì xu hướng tăng trưởng. Sản lượng điện thương phẩm thực tế bình quân đạt 337 triệu kWh, cao hơn đáng kể so với sản lượng bình quân theo thiết kế 292 triệu kWh. Ngoài ra, SJD được hưởng lợi khá nhiều từ giá bán điện cho EVN được cố định ở mức 0,045

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

USD/kWh cho toàn bộ sản lượng điện thương phẩm (*trước năm 2007*), từ năm 2007 đến nay, giá bán điện đối với mức sản lượng trên 292 triệu kWh chỉ bằng 50%, tức 0,0225 USD/kWh.

Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động bán điện (*chiếm trên 99,3%*). Ngoài ra, một phần nhỏ điện sản xuất ra được dùng cho mục đích tiêu dùng nội bộ và một số hoạt động nhỏ khác.

Doanh thu năm 2013 giảm nhẹ so với năm 2012 (*giảm hơn 35 tỷ đồng*) do điều kiện thời tiết năm 2013 không thuận lợi làm cho sản lượng điện năm 2013 thấp hơn năm 2012.

CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP THEO GIÁ TRỊ DỊCH VỤ

Đơn vị: triệu đồng

STT	SẢN PHẨM	NĂM 2012		NĂM 2013		6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Lợi nhuận bán hàng	201.823	100,00%	193.221	100,00%	97.605	99,93%
2	Lợi nhuận tiêu dùng nội bộ	-	0,00%	-	0,00%	0	0,00%
3	Lợi nhuận cung cấp điện cho nhà thầu	-	-	-	-	48	0,05%
4	Lợi nhuận khác	-	-	-	-	18	0,02%
Lợi nhuận gộp		201.823	100,00%	193.221	100,00%	97.671	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2013, BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 của SJD

Do Doanh thu thuần năm 2013 giảm so với Doanh thu thuần năm 2012 kéo theo Lợi nhuận gộp năm 2013 cũng giảm so với Lợi nhuận gộp năm 2012.

Tương tự như với doanh thu, tỷ trọng Lợi nhuận bán điện của Công ty chiếm chủ yếu trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty (*gần 100%*).

6.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành

- Năm 2013 Công ty chỉ tập trung vào sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên Công ty cũng đã kịp thời đầu tư nâng cao năng lực thiết bị Nhà máy: cụ thể là Công ty đã đầu tư các thiết bị thí nghiệm phục vụ nhà máy.
- Tiếp tục tìm kiếm các dự án đầu tư mở rộng SXKD của Công ty trong giai đoạn tới.

6.3. Hoạt động Marketing

Ngành điện có thị trường rộng lớn khắp cả nước, khách hàng tiêu thụ cuối cùng là mọi hộ gia đình, tất cả các cơ quan, xí nghiệp, văn phòng... Tuy nhiên, hiện nay ngành điện là ngành kinh tế độc quyền: chỉ có EVN là người mua điện duy nhất và cũng là người bán điện duy nhất đến người tiêu dùng.

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Do sản phẩm của Công ty thuần túy là điện thương phẩm nên hoạt động Marketing của Công ty sẽ tập trung cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác mà Công ty đang có chiến lược phát triển. Cụ thể, Công ty xác định sẽ từng bước hình thành và đẩy mạnh công tác tiếp thị ở một số lĩnh vực như: Cung cấp dịch vụ tư vấn, lắp đặt thiết bị điện; thí nghiệm thiết bị điện; thiết kế công nghệ các nhà máy thủy điện; đào tạo, cung cấp dịch vụ đào tạo cán bộ vận hành và quản lý nhà máy thủy điện và một số lĩnh vực kinh doanh khác có tỷ suất lợi nhuận cao hơn so với ngành sản xuất điện. Địa bàn hoạt động sẽ tập trung chủ yếu vào khu vực miền trung và miền nam.

6.4. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện tại Công ty chưa đăng ký nhãn hiệu thương mại mà đang sử dụng biểu tượng của Tổng Công ty Sông Đà, phía dưới có thêm dòng chữ CẦN ĐƠN.



Biểu tượng của Tổng Công ty Sông Đà đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 60204 theo Quyết định số A1024/QĐ-ĐK ngày 16/02/2005.

Nhãn hiệu “Sông Đà” theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66125 theo quyết định số A9294/QĐ-ĐK ngày 24/8/2005 của Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ và các nhãn hiệu theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66123 và 66124.

6.5. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	TÊN HỢP ĐỒNG	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG	THỜI ĐIỂM KÝ KẾT	THỜI GIAN THỰC HIỆN	SẢN PHẨM	ĐỐI TÁC
1	Hợp đồng bán điện ³	0,045USD/kWh ⁴	1999	25 năm kể từ ngày ký hợp đồng	Điện phẩm	thương EVN
2	Hợp đồng mua bán điện	4,1 Cents/Kwh	29/12/1999	Được thực hiện trong suốt thời gian hoạt động	Điện thương phẩm	Công ty điện lực 3-EVN

³ Hợp đồng do Tổng Công ty Sông Đà ký với EVN, được chuyển giao lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn. Hợp đồng này áp dụng cho sản lượng điện được sản xuất bởi nhà máy thủy điện Cần Đơn.

⁴ Giá bán điện là 0,045USD/kWh áp dụng đối với sản lượng điện đến mức bình quân 292 triệu kWh, giá bán điện 0,0225 USD/kWh áp dụng đối với sản lượng điện trên mức 292 triệu kWh.

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

của Nhà máy
thủy điện Ry
Ninh II

Nguồn: SJD

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

- Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2012	NĂM 2013	% TĂNG GIẢM	6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014
1	Tổng giá trị tài sản	1.014.481.298.179	1.143.649.886.542	12,73%	1.237.283.846.367
2	Doanh thu thuần	344.825.024.220	309.695.568.699	-	153.893.090.207
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	163.140.332.976	155.458.128.455	-	73.167.947.940
4	Lợi nhuận khác	57.174.039	949.522.727	1.560,76%	-37.622.116
5	Lợi nhuận trước thuế	163.197.507.015	156.407.651.182	-	73.130.325.824
6	Lợi nhuận sau thuế	154.893.596.856	148.381.864.077	-	69.467.728.427
7	Cổ tức	20%	22%	2%	-

Nguồn: SJD

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi:

SJD được hưởng lợi khá nhiều từ giá bán điện cho EVN được cố định ở mức 0,045 USD/kWh cho toàn bộ sản lượng điện thương phẩm (*trước năm 2007*), từ năm 2007 đến nay, giá bán điện đối với mức sản lượng trên 292 triệu kWh chỉ bằng 50%, tức 0,0225 USD/kWh.

Khó khăn:

Giá bán điện bình quân thấp do sản lượng trên mức 292 triệu kWh chỉ được tính giá bằng 50% giá thông thường; Điều kiện thời tiết năm 2013 không được thuận lợi cho việc sản xuất điện như trong năm 2012. Do đó sản lượng điện năm 2013 giảm so với năm 2012, kéo theo Doanh thu, lợi nhuận năm 2013 đều giảm so với năm 2012.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Hiện tại Công ty đang vận hành 2 nhà máy thủy điện bao gồm: Nhà máy thủy điện Cần Đơn với công suất lắp đặt 77,6 MW chiếm một thị phần tương đối nhỏ trong hệ thống lưới điện Quốc gia, chưa tới 2% tổng công suất lắp đặt của các nhà máy thủy điện đang hoạt động trên phạm vi toàn quốc và Nhà máy thủy điện Ry Ninh II với công suất lắp đặt 8,1MW. Năm 2013, sản lượng điện thương phẩm của toàn Công ty đạt 415 triệu kWh tức là chỉ chiếm khoảng 0,36% tổng sản lượng điện thương phẩm của tất cả các nhà máy điện trên toàn quốc (*tổng sản lượng điện thương phẩm cả nước trong năm 2013 đạt 115,06 tỷ kWh⁵*).

Phân tích SWOT của Công ty

Thế mạnh	Điểm yếu
<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm điện thương phẩm của Nhà máy thủy điện Cần Đơn được EVN bao tiêu toàn bộ trong suốt thời gian dự án (25 năm) nên đầu ra được đảm bảo, sản phẩm điện thương phẩm của Nhà máy thủy điện Ry Ninh II được Công ty Điện 3-EVN bao tiêu toàn bộ trong suốt thời gian 20 năm nên đầu ra của Công ty được đảm bảo - Hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ tiên tiến đảm bảo vận hành đạt hiệu suất cao và an toàn. - Đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm. - Với lượng vốn chủ sở hữu tương đối lớn, tình hình tài chính lành mạnh, làm ăn có lãi, Công ty có đủ khả năng chủ động trong đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm chính của Công ty là điện thương phẩm. Trong điều kiện thị trường ngành điện còn tồn tại tình trạng độc quyền mua và bán điện, Công ty ít có khả năng tạo đột biến trong kết quả sản xuất kinh doanh nếu không đa dạng hóa sang các lĩnh vực kinh doanh khác.
Cơ hội	Thách thức
<ul style="list-style-type: none"> - Nhu cầu điện năng tiếp tục tăng nhanh hơn nguồn cung cấp trong những năm sắp tới. Bên cạnh đó, nhà máy thủy điện Cần Đơn nằm trong khu vực kinh tế phát triển năng động miền Đông Nam Bộ nên có nhiều cơ hội mở rộng sản xuất kinh doanh 	<ul style="list-style-type: none"> - Trong giai đoạn sắp tới, khi nước ta bắt đầu hình thành thị trường mua bán điện cạnh tranh, Công ty phải nỗ lực để giảm giá thành sản xuất, cải tiến công nghệ, tìm kiếm khách hàng. - Trong tương lai sẽ có những nguồn năng lượng mới

⁵ Nguồn: <http://cafef.vn/kinh-te-vi-mo-dau-tu/nam-2013-san-luong-dien-thuong-pham-cua-evn-dat-11506-ty-kwh-2014010321044075019ca33.chn>

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

<p>điện và các sản phẩm có liên quan khác.</p> <ul style="list-style-type: none">- Phát triển thủy điện nằm trong chiến lược ưu tiên phát triển nguồn phát điện của nước ta cho tới 2020. Do đó, các doanh nghiệp thủy điện tiếp tục nhận được nhiều ưu đãi, hỗ trợ từ phía Nhà nước.- Định hướng đa dạng hóa lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty mở ra nhiều cơ hội sản xuất kinh doanh mới cho Công ty, góp phần nâng cao doanh thu và lợi nhuận.	<p>cạnh tranh hoặc thay thế thủy năng để sản xuất ra điện năng (<i>năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng nguyên tử...</i>). Tuy nhiên việc phát triển và tận dụng những nguồn năng lượng mới này ở nước ta sẽ đòi hỏi một thời gian tương đối dài.</p>
---	--

Lợi thế cạnh tranh nổi bật của nhà máy là hệ thống thiết bị máy móc, công nghệ tiên tiến, hiện đại vào bậc nhất hiện nay tại Việt Nam, được cung cấp bởi Tập đoàn Metso (*Hoa Kỳ*), một trong những Tập đoàn cung cấp thiết bị công nghiệp và công nghệ tự động hóa hàng đầu trên thế giới. Ba tính năng ưu việt của hệ thống công nghệ tự động hóa maxDNA mà nhà máy đang vận hành là đơn giản, dễ dàng cho thao tác và vận hành ở độ an toàn rất cao. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kỹ thuật của nhà máy có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm đã làm chủ được hoàn toàn công nghệ nên nhà máy luôn được vận hành an toàn, đạt hiệu quả sản xuất cao.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Nhu cầu tiêu thụ điện năng hàng năm của Việt Nam được dự báo tăng trưởng 11-14% mỗi năm. Theo ước tính của Tập đoàn điện lực Việt Nam (*EVN*), trong giai đoạn từ 2010-2020, nhu cầu tiêu thụ điện cả nước tăng từ 92 tới 250 triệu MWh. Nhìn từ góc độ nhà cung cấp, tình trạng thiếu điện vẫn còn diễn ra khá phổ biến ở Việt Nam và ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế trong tương lai. Do thực trạng ngân sách nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước không đủ khả năng để đầu tư vào các dự án nguồn điện mới nên thị trường năng lượng điện hiện tại đã có sự tham gia tích cực của các nhà máy điện độc lập (*IPP*) và tập đoàn ngoài quốc doanh.

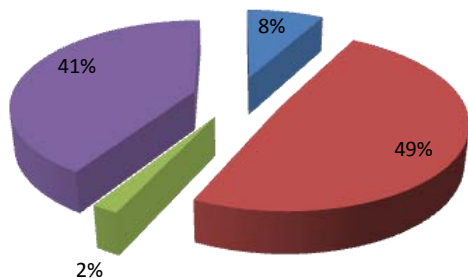
Tiêu thụ năng lượng điện ở Việt Nam có xu hướng tăng trưởng mạnh và đã vượt qua tốc độ tăng trưởng GDP trong vòng 1 thập kỷ qua. Tốc độ tăng trưởng đạt 15% năm, từ 22 triệu MWh trong năm 2000 lên mức 92 triệu MWh trong năm 2010. Các nhân tố tác động mạnh tới nhu cầu năng lượng trong các năm qua được cho là do tăng trưởng GDP cao, trung bình 8% giai đoạn 2000-2010; tốc độ đô thị hóa cao, bình quân ước đạt mức 3%/năm đến năm 2015, gia tăng tốc độ công nghiệp hóa và tăng thu nhập. Ngoài ra, tỷ lệ điện khí hóa (*tỷ lệ hộ gia đình có kết nối điện*) của Việt Nam đạt mức cao là 96%, đó cũng là nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự gia tăng đáng kể nhu cầu tiêu thụ điện năng.

EVN đã liên tục đánh giá thấp tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện trong các kế hoạch phát triển ngành điện trước đây. Tuy nhiên, báo cáo cập nhật gần đây cho thấy nhu cầu đã tăng trung bình 16% mỗi năm trong giai đoạn 2007 - 2010 và tốc độ tăng trưởng nhu cầu dự báo đạt 14% trong giai đoạn 2011-2015, và đạt 11% /năm trong giai đoạn 2016-2020.

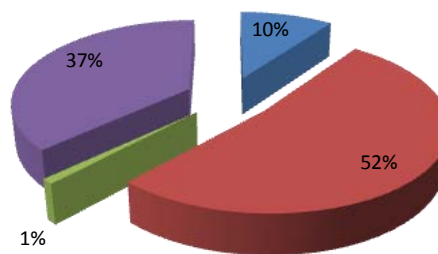
Hình 1. Cơ cấu nhu cầu tiêu thụ điện (2000)
Tổng nhu cầu: 22 triệu MWh

Hình 2. Cơ cấu nhu cầu tiêu thụ điện (2010)
Tổng nhu cầu: 92 triệu MWh

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**



■ Dịch vụ ■ Công nghiệp & xây dựng ■ Nông, lâm, ngư nghiệp ■ Hộ gia đình



■ Dịch vụ ■ Công nghiệp & xây dựng ■ Nông, lâm, ngư nghiệp ■ Hộ gia đình

Nguồn: EVN

EVN là công ty nhà nước quản lý lĩnh vực năng lượng điện của Việt Nam và chịu trách nhiệm cung ứng điện trên toàn quốc. Hiện tại EVN chiếm khoảng 68% của Tổng sản lượng điện cung cấp trong nước, phần còn lại được cung cấp bởi các nhà máy điện độc lập và nhập khẩu từ các nước láng giềng. Ngoài ra, EVN hiện tại đang quản lý toàn bộ khâu truyền tải và mạng lưới phân phối toàn quốc.

Với sự gia tăng nhu cầu về điện trong những năm gần đây, Việt Nam đã và đang gặp nhiều khó khăn do sự thiếu hụt năng lượng. Nguyên nhân của sự thiếu hụt năng lượng điện chủ yếu là kết quả của việc EVN không có khả năng để phát triển các dự án điện mới do thiếu vốn. Tình hình tài chính của EVN đã gặp nhiều khó khăn trong những năm gần đây do chi phí đầu vào liên tục tăng, chính sách áp dụng giá trần trên giá điện và sự thiếu hiệu quả trong sản xuất và phân phối.

Chính vì các nguyên nhân cơ bản trên nên hiện tại Việt Nam đang phải gánh chịu tình trạng thiếu điện và phải dựa vào một phần nguồn điện nhập khẩu từ các nước láng giềng. Để giảm bớt tình trạng thiếu điện ở miền Bắc, Việt Nam bắt đầu mua điện từ Trung Quốc trong năm 2006 với tổng khối lượng hơn 1 triệu MWh vận chuyển qua đường dây 110kV xuyên qua các tỉnh Quảng Tây và Vân Nam của Trung Quốc. Việt Nam cũng có kế hoạch đầu tư bổ sung nhà máy điện tại Lào thông qua việc Tổng Công ty Sông Đà đã đầu tư 311 triệu USD vào một nhà máy thủy điện 250 MW tại Lào, với mục đích nâng cao năng lực cung cấp điện.

Trong tháng 7 năm 2011, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030 (*Quy hoạch điện VII*), trong đó nhấn mạnh an ninh năng lượng, hiệu suất năng lượng, phát triển nguồn năng lượng tái tạo và tự do hóa thị trường năng lượng. Theo kế hoạch dự kiến, công suất phát điện tổng hợp của tất cả các nhà máy điện ở Việt Nam sẽ tăng lên 75.000 MW vào năm 2020, hướng đến mục tiêu 147.000 MW vào năm 2030. Để đạt được mục tiêu này, Chính phủ ước tính tổng vốn đầu tư cần thiết cho ngành điện là khoảng 48,8 tỷ USD trong giai đoạn 2011-2020, trong đó hai phần ba sẽ được sử dụng để sản xuất điện và phần còn lại để phát triển mạng lưới, ước tính khoảng 75 tỷ USD cho giai đoạn 2021-2030.

Mặc dù có sự đóng góp ngày càng lớn của nhiệt điện vào tổng công suất năng lượng điện của Việt Nam, tuy nhiên Quy hoạch điện VII vẫn nhấn mạnh sự phát triển của các nguồn năng lượng tái tạo. Quy hoạch tách biệt thủy điện truyền thống khỏi các nguồn tái tạo khác, trong đó bao gồm thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, khí sinh học / sinh khối, địa nhiệt, chất thải và các nguồn năng lượng tái tạo thay thế khác.

Việt Nam là một trong những nước giàu thủy năng hàng đầu thế giới, với 2.360 con sông có tổng chiều dài hơn 42.000 km. Tiềm năng thủy điện của Việt Nam được ước tính ở mức 84 triệu MWh mỗi năm. Có khoảng 150 địa điểm có thể được sử dụng để xây dựng thủy điện với tổng công suất thiết kế khoảng 18.000 đến 20.000 MW cho các nhà máy thủy điện lớn và vừa (*hiều nơi công suất thiết kế có thể vượt 30 MW*). 408 địa điểm khác đã được

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

xác định là phù hợp cho các nhà máy thủy điện nhỏ (*những nhà máy có công suất dưới 30 MW*), tạo ra tổng lượng điện khoảng 2.000 đến 4.000 MW.

Xét về các yêu cầu vốn cần thiết để phát triển ngành điện, Quy hoạch điện VII đưa ra các chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, bao gồm đa dạng hóa các hình thức đầu tư, giảm vốn tăng chi phí cho các dự án điện, và tăng giá điện để đảm bảo hợp lý lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Cơ cấu nguồn điện theo công suất và sản lượng cho giai đoạn 2010-2020 tầm nhìn 2030

STT	Danh mục	2020			2030		
		Tổng công suất lắp đặt (MW)	Thị phần trong tổng công suất lắp đặt (%)	Thị phần trong tổng sản lượng điện (%)	Tổng công suất lắp đặt (MW)	Thị phần trong tổng công suất lắp đặt (%)	Thị phần trong tổng sản lượng điện (%)
1	Nhiệt điện than	36.000	48,0	46,8	75.000	51,6	56,4
2	Nhà máy nhiệt điện tua bin khí	10.400	13,9	20,0	11.300	7,7	10,5
3	Nhà máy nhiệt điện chạy tua bin khí LNG	2.000	2,6	4,0	6.000	4,1	3,9
4	Nhà máy thủy điện	17.400	23,1	19,6	n/a	11,8	9,3
5	Nhà máy thủy điện tích năng	1.800	2,4		5.700	3,8	
6	Nhà máy điện sinh khối	500	5,6	4,5	2.000	9,4	6,0
7	Nhà máy điện gió	1.000			6.200		
8	Nhà máy điện nguyên tử	n/a	n/a	2,1	10.700	6,6	10,1
9	Nhập khẩu	2.200	3,1	3,0	7.000	4,9	3,8
Tổng cộng		75.000	100	100	146.800	100	100

Nguồn năng lượng điện chiếm tỷ trọng cao hiện nay vẫn là nhiệt điện than. Điện nguyên tử và năng lượng tái tạo có đóng góp đáng kể trong giai đoạn 2010 - 2020 và sẽ dần trở nên tương đối quan trọng trong giai đoạn 2020 - 2030. Thủy điện vẫn duy trì thị phần không đổi trong giai đoạn 2010 - 2020 và 2020 - 2030 vì thủy điện gần như đã được khai thác hết trên toàn quốc.

Cụ thể là vào năm 2020, cơ cấu sản lượng các nguồn điện là nhiệt điện than 46,8%, thủy điện và thủy điện tích năng 19,6%, nhiệt điện chạy khí và khí LNG (*khí hóa lỏng*) 24%, năng lượng tái tạo 4,5%, năng lượng nguyên tử 2,1% và 3.0% nhập khẩu từ các quốc gia khác.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Đứng trước thực trạng ngành điện nói chung và lĩnh vực thủy điện nói riêng, Công ty Thủy điện Cần Đơn đã đề ra nhiều biện pháp nhằm nâng cao sản lượng điện thương phẩm hàng năm và hạ giá thành sản phẩm, cụ thể như:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đầu tư nâng cao năng lực thiết bị của nhà máy nhằm nâng cao hiệu quả cho SXKD.
- Liên lạc chặt chẽ với nhà máy thủy điện Thác Mơ để nắm chắc chế độ thủy văn, kế hoạch chạy máy, sửa chữa để phối hợp thực hiện một cách hiệu quả nhất và vận hành lòng hồ và đăng ký công suất, thời gian phát điện hợp lý để đảm bảo suất tiêu hao nước trên 1kWh.
- Nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động SXKD của Công ty. Coi trọng công tác thông tin liên lạc với Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia và Trung tâm điều độ hệ thống điện Miền Nam.
- Kiểm tra, rà soát các chi phí quản lý vận hành, các định mức, đơn giá chi phí quản lý nội bộ để điều chỉnh phù hợp, kịp thời trên cơ sở tiết kiệm tối thiểu 5-10% tổng chi phí đã được HĐQT phê duyệt.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty

Tính đến 30/06/2014, Công ty có 231 lao động. Cơ cấu lao động của Công ty phân chia theo trình độ cụ thể như sau:

STT	TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ %
1	Đại học và trên Đại học	47	20
2	Cao đẳng	19	8
3	Trung học chuyên nghiệp	20	9
4	Công nhân kỹ thuật và trình độ khác	145	63
Tổng cộng		231	100

Nguồn: SJD

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

- Công ty luôn đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật về lao động như: Trích nộp đầy đủ và đúng hạn bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho cán bộ công nhân viên.
- Công ty luôn quan tâm, tạo điều kiện bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên. Nhiều cán bộ có trình độ, năng lực phẩm chất đã được cử tham gia các khóa đào tạo chuyên môn ngắn và dài hạn cả trong lẫn ngoài nước.
- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng, động viên kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

trong lao động, có đóng góp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và doanh thu; đồng thời cũng áp dụng những biện pháp, qui định xử phạt đối với những cán bộ công nhân viên vi phạm nội qui, kỷ luật lao động.

- Công tác bảo hộ an toàn lao động, phòng chống cháy nổ cũng nhận được sự quan tâm thích đáng của Công ty. Công ty đã ban hành đồng bộ hệ thống các qui định về an toàn lao động, tổ chức huấn luyện hướng dẫn cán bộ công nhân viên sử dụng an toàn các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, tổ chức kiểm tra định kỳ hàng tháng, hàng quý độ tin cậy và an toàn của các thiết bị máy móc, các công trình thủy công.
- Công ty phối hợp với Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức các đợt phát động thi đua lao động sản xuất, đẩy mạnh công tác văn-thể-mỹ, nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên.

10. Chính sách cổ tức

Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ năm 2004. Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do HĐQT đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định. Cụ thể, SJD chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế cũng như các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, HĐQT đề xuất phương án chia cổ tức phù hợp trình ĐHĐCĐ quyết định. Tùy theo tình hình thực tế, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý hoặc 6 tháng nhưng không vượt quá mức cổ tức dự kiến.

Chỉ tiêu	2012	2013
Tỷ lệ cổ tức chi trả	20%	22%

Nguồn: SJD

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh tại thời điểm 30/06/2014:

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Vốn chủ sở hữu	Ghi chú
Đầu tư tài chính ngắn hạn	55.307.145.137	
Tài sản cố định	598.725.451.892	
Vốn lưu động	213.449.275.673	
Đầu tư tài chính dài hạn	1.841.309.273	
Chi phí trả trước dài hạn	3.117.856.460	
Tài sản dài hạn khác	1.245.864.519	
Tổng cộng	873.686.902.954	

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Nguồn: SJD

- Trích khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc: 08 -50 năm;

Máy móc, thiết bị : 03 - 20 năm;

Phương tiện vận tải: 06-10 năm;

Thiết bị văn phòng: 03 – 08 năm

Riêng đối với TSCĐ là Nhà máy Thủy điện Cần Đơn thì thực hiện khấu hao theo sản lượng điện sản xuất trong năm trên tổng sản lượng thiết kế vận hành trong thời gian hoạt động của nhà máy là 25 năm tính từ khi nhà máy đi vào hoạt động, đảm bảo sau 25 năm hoạt động khấu hao hết giá trị của nhà máy thủy điện Cần Đơn.

Trong năm Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, theo đó Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng, đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn không quá 3 năm.

- Mức lương bình quân:

Năm 2012 mức lương bình quân của CBCNV: 11.527.000 đồng/người

Năm 2013 mức lương bình quân của CBCNV: 10.200.000 đồng/người

Như vậy, so với các doanh nghiệp trong cùng ngành, mức lương bình quân của CBCNV Công ty Thủy điện Cần Đơn được đánh giá là tương đối cao.

- Thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Công ty luôn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

- Các khoản phải nộp theo luật định.

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	3.967.580.082	1.160.486.750	4.654.969.613

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

KHOẢN MỤC	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Thuế TNDN	2.229.066.905	1.352.960.110	2.649.216.243
Thuế Thu nhập cá nhân	-	112.163.726	83.073.315
Thuế tài nguyên	665.109.128	654.923.490	2.972.997.709
Các loại thuế khác	18.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí	15.330.581.740	1.746.820.000	6.357.790.333
Tổng cộng	22.192.355.855	5.027.354.076	16.718.047.213

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2013, BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 của SJD

Theo Giấy phép đầu tư số 04/GP-ĐTTN ngày 15/09/1999 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 04/GPĐC-ĐTTN ngày 28/05/2001, SJD được ưu đãi theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 04 (bốn) năm kể từ ngày có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 09 (chín) năm tiếp theo đối với thu nhập phát sinh từ sản xuất và kinh doanh điện;

Theo Công văn số 11996/BTC-CST ngày 05/09/2012 của Bộ Tài chính về việc chuyển đổi thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp BOT, Công ty được ưu đãi theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm kể từ năm 2010.

- Trích lập các quỹ theo luật định

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2012	31/12/2012	30/06/2014
Quỹ Đầu tư phát triển	76.664.088.419	110.815.237.431	119.243.595.558
Quỹ Dự phòng tài chính	20.023.095.158	31.887.145.762	39.621.237.170
Quỹ Khen thưởng phúc lợi	2.361.627.718	1.718.413.225	9.984.665.366
Tổng cộng	99.048.811.295	144.420.796.418	168.849.498.094

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2013, BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 của SJD

- Tổng dư nợ vay

Hiện tại Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn không có nợ quá hạn, không có dư nợ bảo lãnh.

Đơn vị: đồng

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

KHOẢN MỤC	31/12/2012		31/12/2013		30/06/2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Vay và nợ ngắn hạn	63.868.177.088	23,82%	49.984.456.586	17,47%	32.326.474.551	10,74%
Vay và nợ dài hạn	204.285.000.000	76,18%	236.137.441.170	82,53%	268.612.035.892	89,26%
Tổng dư nợ vay	268.153.177.088	100,00%	286.121.897.756	100,00%	300.938.510.443	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2013, BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 của SJD

- Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu của SJD

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Phải thu khách hàng	125.081.877.161	139.120.608.480	208.326.572.442
Trả trước người bán	110.497.000	16.187.383.690	15.819.314.584
Các khoản phải thu khác	6.224.410.687	19.030.226.426	28.129.526.999
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-170.000.000
Tổng cộng	131.416.784.848	174.338.218.596	252.105.414.025

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2013, BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 của SJD

Các khoản phải trả của SJD

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Nợ ngắn hạn	153.284.846.987	82.237.591.421	80.908.670.562
Vay và nợ ngắn hạn	63.868.177.088	49.984.456.586	32.326.474.551
Phải trả người bán	1.355.592.433	7.025.199.224	10.513.851.702
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22.192.355.855	5.027.354.076	16.718.047.213
Phải trả người lao động	3.964.308.067	5.133.521.626	2.972.562.310

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

KHOẢN MỤC	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Chi phí phải trả	5.176.111.111	6.800.299.542	6.035.962.832
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	54.366.674.715	6.548.347.142	2.357.106.588
Quỹ Khen thưởng phúc lợi	2.361.627.718	1.718.413.225	9.984.665.366
Nợ dài hạn	204.285.000.000	236.137.441.170	268.612.035.892
Vay và nợ dài hạn	204.285.000.000	236.137.441.170	268.612.035.892
Tổng cộng	357.569.846.4987	318.375.032.591	349.520.706.454

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2013, BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 của SJD

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	KHOẢN MỤC	ĐƠN VỊ	NĂM 2012	NĂM 2013
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1.	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,29	3,32
	Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,21	3,13
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
2.	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,35	0,28
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,54	0,39
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
3.	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	11,24	7,66
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	0,34	0,27
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	44,92	47,91
4.	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	25,61	18,27
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	15,33	12,97
	Hệ số Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	47,31	50,20

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

STT	KHOẢN MỤC	ĐƠN VỊ	NĂM 2012	NĂM 2013
	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	4.317	4.118

Nguồn: SJD

12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

12.1. Danh sách Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Sơn: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên : NGUYỄN VĂN SƠN

Giới tính : Nam

Số CMND : 113287781 Ngày cấp : 30/8/2004 Nơi cấp : CA Hòa Bình

Ngày sinh : 11/6/1969 Nơi sinh : Thác Bà - Yên Bái

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Nhà BT1, Khu đô thị Bắc Hà, Quận Hà Đông, Hà Nội.

Quê quán : Xã Thái Hòa, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Dương.

Số điện thoại : 04.33544735; ĐD 0913.347496.

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hệ thống điện, Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

– Từ năm 1986 Công ty Xây dựng Thủy công

– Từ 1988 -1991 : Công ty Xây dựng Công trình Ngầm

– Từ 1991- 1995 : Học tại trường đại học Bách khoa Hà nội

– Từ 1995- nay : Công ty Xây lắp Năng lượng, nay là Công ty cổ phần Sông Đà 11.

Quá trình chi tiết

– Từ 1995-1997 : Đội trưởng đội điện hầm Công ty xây lắp năng lượng thi công Công trình YaLy

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

- Từ 1997-1999 : Đội trưởng đội Xây lắp Xí nghiệp 11.1 Công ty Sông Đà 11.
- Từ 1999-2002 : Phó Giám đốc Chi nhánh Miền Nam Công ty Sông Đà 11.
- Từ 2002-2006 : Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 11-2 Công ty Sông Đà 11.
- Từ 2006-2008 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Sông Đà 11 kiêm Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 11 - 5
- Từ 2008-2010 : Tổng Giám đốc Công Cổ phần Sông Đà 11- Thăng Long
- Từ 2010-06/2013 : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11
- Từ 06/2013 - 06/2014 : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
- Từ 06/2014 - nay : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 11, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 11, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến

Số lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 10/07/2014 : 8.516.000 cổ phần, chiếm 20,77% vốn điều lệ

Trong đó: Sở hữu cá nhân : 16.000 cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà : 8.500.000 cổ phần

Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ : Không có

Các khoản nợ với Công ty : Không có

Lợi ích có liên quan với Công ty : Không có

Ông Mai Ngọc Hoàn: Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên : **MAI NGỌC HOÀN**

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Giới tính : Nam

Số CMND : 285174181 Ngày cấp : 16/4/2004 Nơi cấp : CA Bình Phước

Ngày sinh : 15/10/1973 Nơi sinh : Thái Bình

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Long Hưng, Bù Gia Mập, Bình Phước.

Quê quán : Đông Kinh, Đông Hưng, Thái Bình

Số điện thoại : 0651. 3 563 359

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ điện và Trung cấp cơ khí.

Quá trình công tác :

- Từ 05/1995-04/2001 : Công tác tại Ban cơ điện Xí nghiệp ắc quy Cửu Long - Công ty Pin ắc quy Miền Nam. Vừa làm vừa học tại Trường Đại học Mở bán công thành phố Hồ Chí Minh chuyên ngành cơ điện(1995 - 1999).
- Từ 05/2001-08/2001 : Làm cán bộ kỹ thuật tại Ban vật tư kỹ thuật Sông Đà 11 - 1 Thanh Hoà, Bù Đốp, Bình Phước.
- Từ 08/2001-10/2002 : Học lớp Trưởng ca vận hành Nhà máy tại thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.
- Từ 10/2002-07/2003 : Học theo lớp Trưởng ca vận hành Nhà máy tại Nhà máy thủy điện Thác Mơ, Phước Long, Bình Phước
- Từ 7/2003-9/2003 : Giám sát lắp đặt thiết bị Nhà máy thủy điện Cần Đơn, Thanh Hoà, Bù Đốp, Bình Phước.
- Từ 9/2003-11/2004 : Trưởng ca vận hành Nhà máy - Phó quản đốc Phân xưởng Vận hành Công ty Cổ phần thủy điện Cần Đơn, Thanh Hoà, Bù Đốp, Bình Phước.
- Từ 11/2004-12/2005 : Quản đốc phân xưởng Vận hành Công ty cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Thanh Hoà, Bù Đốp, Bình Phước.

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

- Từ 01/2006-09/2007 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước.
- 09/2007-06/2010 : Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước
- Từ 06/2010-02/2014 : Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn.
- Từ 02/2014 - 05/2014 : Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần thủy điện Sông Đà Tây Nguyên.
- Từ 05/2014 - nay : Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần thủy điện Sông Đà Tây Nguyên.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Tổng Giám đốc, Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 10/07/2014 : 5.700.138 cổ phần, chiếm 13,90% vốn điều lệ
- Trong đó: Sở hữu cá nhân : 138 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn của TCT Sông Đà : 5.700.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ : Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Lợi ích có liên quan với Công ty : Không có

Ông Nguyễn Văn Minh: Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **NGUYỄN VĂN MINH**
- Giới tính : Nam
- Số CMND : 285341666 Ngày cấp : 31/12/2007 Nơi cấp : CA Bình Phước
- Ngày sinh : 26/10/1971 Nơi sinh : Sài Gòn

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Phường Tân Thiện, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Quê quán : Thừa Thiên Huế

Số điện thoại : 0651.3563161; 0918680519

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác :

- 1990-12/1991 : Học Công nhân kỹ thuật tại trường Công nhân Cơ khí Cao Su Đồng Phú - Sông Bé
- 2/1992-9/1994 : Đi bộ đội
- 9/1994-6/1999 : Học tại Khoa Cơ khí Công Nghệ, trường Đại học Nông Lâm TP. HCM
- 10/1999-10/2001 : Làm việc tại công ty TNHH Thương Mại Kỹ Thuật An Khang P13, Q.Tân Bình, TP. HCM.
- 2001-04/2003 : Nhân viên phòng Vật tư - Thiết bị Công ty BOT thủy điện Cần Đơn, Thanh Hòa, Lộc Ninh, Bình Phước.
- 4/2003-11/2003 : Phó trưởng phòng Vật tư - Thiết bị Công ty BOT thủy điện Cần Đơn, Thanh Hòa, Bù Đốp, Bình Phước.
- 11/2003-4/2004 : Phó trưởng phòng Kỹ thuật - Công nghệ Công ty BOT thủy điện Cần Đơn, Thanh Hòa, Bù Đốp, Bình Phước.
- 4/2004-10/2004 : Trưởng phòng Kỹ thuật - Công nghệ Công ty BOT thủy điện Cần Đơn, Thanh Hòa, Bù Đốp, Bình Phước.
- 11/2004 đến 06/2013 : Trưởng phòng Kỹ thuật - Công nghệ Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước.
- 06/2013 đến nay : Trưởng phòng Kỹ thuật - Công nghệ, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 10/07/2014 : 60.085 cổ phần, chiếm 0,15% vốn điều lệ

Trong đó: Sở hữu cá nhân : 60.085 cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà : 0 cổ phần

Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ : Không

Các khoản nợ với Công ty : Không có

Lợi ích có liên quan với Công ty : Không có

Ông Đồng Văn Tâm: Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên : **ĐỒNG VĂN TÂM**

Giới tính : Nam

Số CMND : 141978451 Ngày cấp : 27/10/2009 Nơi cấp : CA Hải Dương

Ngày sinh : 07/8/1976 Nơi sinh : Hải Dương

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Quê quán : Ái Quốc, Nam Sách, Hải Dương

Số điện thoại : 06513.563375;

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán

Quá trình công tác :

- 03/2000-10/2002 : Kế toán viên Công ty BOT Thủy điện Cần Đơn

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

- 10/2002-12/2002 : Phó kế toán trưởng Công ty BOT Thủy điện Cần Đơn
- 12/2002-05/2006 : Phó kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, Kế toán trưởng chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh
- 6/2006-4/2008 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
- 5/2008-4/2009 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Sông Đà tại thành phố Hồ Chí Minh.
- 5/2009 đến 04/2013 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn tại Bù Đốp, Bình Phước
- 04/2013 - 02/2014 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn tại Bù Đốp, Bình Phước, Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sông Đà
- 02/2014 - 06/2014 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn tại Bù Đốp, Bình Phước, Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sông Đà, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần thủy điện Sông Đà Tây Nguyên
- 07/2014 - nay : Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn tại Bù Đốp, Bình Phước, Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sông Đà, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần thủy điện Sông Đà Tây Nguyên

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sông Đà, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên

Số lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 10/07/2014 : 4.618.600 cổ phần, chiếm 11,27% vốn điều lệ

Trong đó: Sở hữu cá nhân : 18.600 cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà 4.600.000 cổ phần

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ : Không
Các khoản nợ với Công ty : Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty : Không có

Bà Ông Thị Thanh Thảo: Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên : **ÔNG THỊ THANH THẢO**
Giới tính : Nữ
Số CMND : 201390051 Ngày cấp : 06/4/2012 Nơi cấp : CA Đà Nẵng
Ngày sinh : 29/10/1980 Nơi sinh : Đà Nẵng
Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : H29/10 K30 Trần Phú, Đà Nẵng
Quê quán : Đà Nẵng
Số điện thoại : 0919422630
Trình độ văn hóa : 12/12.
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế
Quá trình công tác :
– 2007-2008 : Chuyên viên đầu tư cao cấp - Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Bản Việt.
– 2008-2011 : Trưởng phòng phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt.
– 2011 đến 06/2013 : Trưởng phòng đầu tư - Công ty TNHH VinaCapital Corporate Finance Việt Nam
– 06/2013 đến 06/2014 : Trưởng phòng đầu tư - Công ty TNHH VinaCapital Corporate Finance Việt Nam, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
– 07/2014 - nay : Trưởng phòng đầu tư cấp cao - Công ty TNHH VinaCapital Corporate Finance Việt Nam, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 10/07/2014 : 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ : Không

Các khoản nợ với Công ty : Không có

Lợi ích có liên quan với Công ty : Không có

12.2. Danh sách Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai: Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên : **NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI**

Giới tính : Nữ

Số CMND : 012036381 Ngày cấp : 10/5/2012 Nơi cấp : CA Hà Nội

Ngày sinh : 13/10/1977 Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 2101T2A Chung cư TSQ, Làng Việt kiều Châu Âu, Mộ Lao, Hà Nội

Quê quán : Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Số điện thoại : 04.35523.398.; ĐD 0983.305389.

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- 1999-2001 Công tác tại Xí nghiệp kinh doanh nhà Công ty Sông Đà 1
- 2001 đến 06/2013 Công tác tại Ban Tài chính kế toán Tổng Công ty Sông Đà

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

- 06/2013 đến nay	Công tác tại Ban Tài chính kế toán Tổng Công ty Sông Đà, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty	
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành		: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác		: Không
Số lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 10/07/2014		: 2.090.704 cổ phần, chiếm 5,10% vốn điều lệ
Trong đó:	Sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần
	Đại diện sở hữu phần vốn của Tổng công ty Sông Đà	: 2.090.704 cổ phần
Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ		: Không
Các khoản nợ với Công ty		: Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty		: Không có

Ông Bùi Xuân Ninh: Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	: Bùi Xuân Ninh				
Giới tính	: Nam				
Số CMND	: 230554449	Ngày cấp	: 12/4/2010	Nơi cấp	: CA Gia Lai
Ngày sinh	: 27/8/1978	Nơi sinh	: TP. Hải Phòng		
Quốc tịch	: Việt Nam	Dân tộc	: Kinh		
Địa chỉ thường trú	: Thôn Yaly, xã Yaly, huyện Chư Pah, tỉnh Gia Lai				
Quê quán	: Quận Ngô Quyền - TP. Hải Phòng				
Số điện thoại	: 0919100510				
Trình độ văn hóa	: 12/12				
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế thủy sản				

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Quá trình công tác :

- 10/2002-06/2007 : Nhân viên Phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty CP thủy điện Cần Đơn
- 06/2007-05/2008 : Phó phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty CP thủy điện Cần Đơn
- 05/2008 đến 04/2009 : Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty CP thủy điện Cần Đơn
- 04/2009 đến 02/2014 : Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
- 02/2014 đến nay : Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Thành viên Ban Kiểm Soát

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên

Số lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 10/07/2014 : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ : Không

Các khoản nợ với Công ty : Không có

Lợi ích có liên quan với Công ty : Không có

Ông Nguyễn Trung Hòa: Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : **NGUYỄN TRUNG HÒA**

Giới tính : Nam

Số CMND : 351525015 Ngày cấp : 02/6/2004 Nơi cấp : CA An Giang

Ngày sinh : 14/12/1984 Nơi sinh : An Giang

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 280/29 Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Quê quán : An Giang

Số điện thoại : 0919580056

Trình độ văn hóa : 12/12.

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ – Tài chính

Quá trình công tác :

- 2011 - 2012 Trưởng nhóm tư vấn đầu tư Công ty Cổ phần Trí Tín Quốc Tế
- 2012 - 2014 Chuyên viên phân tích Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng Việt Nam
- 01/2014 - 06/2014 Chuyên viên đầu tư cao cấp Công ty VinaCapital Corporate Finance Ltd
- 07/2014 - nay Chuyên viên đầu tư cao cấp Công ty VinaCapital Corporate Finance Ltd, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 10/07/2014 : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ : Không

Các khoản nợ với Công ty : Không có

Lợi ích có liên quan với Công ty : Không có

12.3. Danh sách Ban Tổng Giám đốc

Ông Mai Ngọc Hoàn: Tổng Giám đốc (Lý lịch nêu ở phần trên)

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Ông Trần Văn Sáu: Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **TRẦN VĂN SÁU**

Giới tính : Nam

Số CMND : 285308555 Ngày cấp : 12/6/2007 Nơi cấp : CA Bình Phước

Ngày sinh : 08/10/1960 Nơi sinh : Thái Bình

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

Quê quán : Tân Thuật, Kiến Xương, Thái Bình

Số điện thoại : 06513563387; 0913409240

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác :

- 1982-1993 : Cán bộ kỹ thuật thi công tại Công ty bê tông nghiên sàng (*Công ty Sông Đà 7*)
- 1993-2000 : Phó giám đốc xí nghiệp 403- Công ty Sông Đà 4
- 2000-2002 : Phó giám đốc nhà máy thủy điện Ry Ninh II- Công ty Sông Đà 11
- 2002- 9/2009 : Quản đốc phân xưởng Sửa chữa Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
- 10/2009 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn.

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Phó Tổng Giám đốc Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 10/07/2014 : 3.946 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ

Trong đó: Sở hữu cá nhân : 3.946 cổ phần

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ : Không
Các khoản nợ với Công ty : Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty : Không có

Ông Nguyễn Thành Nam: Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **NGUYỄN THÀNH NAM**
Giới tính : Nam
Số CMND : 113165020 Ngày : 02/3/2001 Nơi cấp : CA Hòa Bình cấp
Ngày sinh : 12/03/1958 Nơi sinh : Nam Thái - Nam Trực - Nam Định
Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 35 Tân Xa, Xa La, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội.
Quê quán : Nam Thái - Nam Trực - Nam Định
Số điện thoại : 0914168558
Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện
Quá trình công tác :
- 06/1983 - 12/1988 : Là kỹ sư tại Sông Đà 10
- 01/1989 - 12/1995 : Là kỹ sư tại Công ty lắp máy 10
- 01/1996 - 08/1999 : Là Phó Giám đốc xí nghiệp 11-2 Công ty xây lắp năng lượng Sông Đà 11
- 09/1999 - 10/2000 : Là Phó ban quản lý dự án Ry Ninh II - Tổng công ty xây dựng Sông Đà - Thủy điện Yaly - Chư Páh - Gia Lai

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

- 11/2000 - 11/2002 : Là Giám đốc nhà máy thủy điện Ry Ninh II - Công ty Sông Đà 11
- Từ 11/2000 đến 03/2009 : Là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II
- Từ 04/2009 đến 01/2014 : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên
- 02/2014 - nay : Là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn - Nhà máy thủy điện Ry Ninh II

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn - Nhà máy thủy điện Ry Ninh II

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 10/07/2014 : 68.080 cổ phần, chiếm 0,17% vốn điều lệ

Trong đó: Sở hữu cá nhân : 68.080 cổ phần

Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ :

- Vợ : 5.600 cổ phần chiếm 0,01% vốn điều lệ

- Con : 4.140 cổ phần chiếm 0,01% vốn điều lệ

Các khoản nợ với Công ty : Không có

Lợi ích có liên quan với Công ty : Không có

12.4. Ông Đồng Văn Tâm: Kế toán trưởng (như trên)

13. Tài sản

Tình hình TSCĐ của SJD tại ngày 31/12/2013

Đơn vị: đồng

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ	KHẤU HAO LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
TSCĐ Hữu hình	1.537.807.586.840	734.609.090.027	803.198.496.813
Nhà cửa vật kiến trúc	812.450.582.667	385.647.943.341	426.802.639.326
Máy móc thiết bị	588.244.448.745	282.901.461.182	305.342.987.563
Phương tiện vận tải	136.387.808.793	65.497.902.415	70.889.906.378
Thiết bị quản lý	724.746.635	561.783.089	162.963.546
TSCĐ vô hình	3.400.000.000	-	3.400.000.000
Quyền sử dụng đất	3.400.000.000	-	3.400.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	52.862.058.747		52.862.058.747
Tổng	1.594.069.645.587	734.609.090.027	589.460.555.560

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2013 của SJD

Tình hình TSCĐ của SJD tại ngày 30/06/2014

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ	KHẤU HAO LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
TSCĐ Hữu hình	1.539.114.859.567	764.202.934.426	774.911.925.141
Nhà cửa vật kiến trúc	812.450.582.667	386.419.937.661	426.030.645.006
Máy móc thiết bị	588.280.204.745	311.487.286.658	276.792.918.087
Phương tiện vận tải	137.695.081.520	65.721.401.569	71.973.679.951
Thiết bị quản lý	688.990.635	574.308.538	114.682.097
TSCĐ vô hình	3.400.000.000	-	3.400.000.000
Quyền sử dụng đất	3.400.000.000	-	3.400.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	77.223.529.225	-	77.223.529.225
Tổng	1.619.738.388.792	745.478.781.575	874.259.607.217

Nguồn: BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 của SJD

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

14.1. Kế hoạch Lợi nhuận và cổ tức năm 2014

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Kế hoạch Lợi nhuận và cổ tức năm 2014

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Thực hiện năm 2013	Năm 2014	
			Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2013
Doanh thu thuần	triệu đồng	309.696	382.067	23,37%
Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	148.382	140.226	-
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	47,91	36,70	-
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	18,21	15,82	-
Cổ tức	%	22	20	-

Nguồn: SJD

14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch Lợi nhuận và cổ tức năm 2014 của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn được xây dựng trên cơ sở Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2014 của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (số liệu khi chưa sáp nhập) và Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi, cụ thể như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	NLC	SJD	Kế hoạch năm 2014 cộng ngang
A	KH sản xuất kinh doanh				
I	Tổng giá trị SXKD	10⁶ đ	48.600	371.700	420.300
1	Giá trị sản xuất công nghiệp	10 ⁶ đ	46.500	371.000	417.500
2	Giá trị kinh doanh khác	10 ⁶ đ	2.100	700	2.800
II	Các chỉ tiêu				
1	Doanh thu	10 ⁶ đ	44.140	337.927	382.067
2	Tổng chi phí	10 ⁶ đ	30.590	196.424	227.014
3	Nộp Nhà nước	10 ⁶ đ	7.420	61.753	69.173
4	Lợi nhuận	10 ⁶ đ			
-	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	13.550	141.503	155.053
-	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	12.873	127.353	140.226
5	Tỷ suất				
-	Lợi nhuận cận biên (Lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần)	%	30,70%	42,00%	40,58%
-	Lợi nhuận sau thuế/VĐL	%	25,75%	31,06%	30,48%
-	ROE - Thu nhập trên vốn CSH	%	10,58%	16,65%	15,82%

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	NLC	SJD	Kế hoạch năm 2014 cộng ngang
-	ROA - Thu nhập trên tổng tài sản	%	9,54%	10,82%	10,69%
6	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	121.719	764.757	886.476
7	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	50.000	409.992	459.992
8	Tổng tài sản	10 ⁶ đ	134.891	1.176.481	1.311.372
9	Hệ số nợ phải trả/VĐL	lần	0,26	1	0,92
B	Kế hoạch đầu tư	10⁶ đ	4.000	34.410	38.410
1	Góp vốn vào dự án TĐ Hà Tây	10 ⁶ đ		22.460	22.460
2	Đầu tư nâng cao năng lực SX	10 ⁶ đ	4.000	11.950	15.950
C	Cổ tức	%	20	20	20

Nguồn: SJD

Sau sáp nhập, NLC trở thành chi nhánh hạch toán phụ thuộc của SJD, tuy nhiên 2 nhà máy của SJD và nhà máy thủy điện Nà Loai vẫn hoạt động tương đối độc lập với nhau. Về cơ bản, 3 nhà máy vẫn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, đạt sản lượng điện như kế hoạch đề ra. Những căn cứ cụ thể để đạt kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2014 như sau:

- Sau sáp nhập, đội ngũ CBCNV của NLC được đảm bảo giữ nguyên vị trí làm việc như trước khi sáp nhập trong vòng 1 năm (theo quy định tại Hợp đồng sáp nhập ký giữa SJD và NLC). Do đó, nhìn chung hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2014 của nhà máy NLC không bị xáo trộn.
- Đội ngũ lãnh đạo của SJD có kinh nghiệm quản lý vận hành tốt và khả năng sẵn sàng chạy máy cao khi có huy động nên được EVN quan tâm tạo mọi điều kiện để khai thác và phát huy hết khả năng công suất;
- Cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị công nghệ tiên tiến, thường xuyên duy tu, bảo dưỡng. Vì vậy, cả 3 nhà máy vận hành đảm bảo có hiệu quả và độ an toàn cao.
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên được đào tạo cơ bản, nắm vững kỹ thuật chuyên môn. Qua đó đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong nghiệp vụ quản lý và điều hành.
- Sau sáp nhập, SJD có thể tận dụng được lợi thế kinh tế về quy mô (tức chi phí để tạo ra một đơn vị sản phẩm/dịch vụ sẽ thấp hơn khi quy mô hoạt động gia tăng), nhờ đó tăng hiệu quả hoạt động.
- Với mô hình tổ chức mới sau sáp nhập, bộ máy nhân sự thu gọn hơn, việc luân chuyển, phân bổ các nguồn lực giữa các đơn vị thuận lợi, linh hoạt và nhanh chóng hơn cũng sẽ góp phần tiết kiệm đáng kể các chi phí gián tiếp.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long xin đưa ra đánh giá về Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2014 của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (kế hoạch sản xuất kinh doanh sau sáp nhập) dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (*Công ty nhận sáp nhập*), Công ty Thủy điện Nà Lôi (*Công ty bị sáp nhập*). Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2014 của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn sau sáp nhập là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành:

Căn cứ theo Hợp đồng sáp nhập được ký kết giữa SJD và NLC, SJD có trách nhiệm chốt danh sách cổ đông của SJD hưởng quyền nhận cổ tức (*theo phương án trả cổ tức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của SJD thông qua*) trước Ngày hoán đổi⁶.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến việc phát hành cổ phiếu: không có

⁶ Ngày hoán đổi là Ngày chốt danh sách cổ đông NLC để hưởng quyền hoán đổi cổ phần NLC để lấy cổ phần của SJD.

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC HOÁN ĐỔI - CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỘI

1. Quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỘI
Tên Tiếng Anh	:	NaLoi Hydropower Joint stock Company
Trụ sở chính	:	Xã Thanh Minh, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên
Điện thoại	:	023-810.338 Fax: 023-810.334
Website	:	www.naloi.com.vn
Giấy CNĐKKD	:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2303000003 ngày 25/08/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp, thay đổi lần thứ 5 số 5600170450 ngày 07/05/2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên cấp
Vốn điều lệ	:	50.000.000.000 (Năm mươi tỷ) đồng
Tài khoản số	:	3601.000.000.3517
Tại	:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển tỉnh Điện Biên

Lĩnh vực hoạt động chính:

- Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm;
- Đào tạo cán bộ, công nhân vận hành nhà máy thủy điện;

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công trình Nhà máy Thủy điện Nà Lội chính thức khởi công ngày 5/12/2000 do Công ty Sông Đà 11 - Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà làm chủ đầu tư. Nhà máy gồm 3 tổ máy, công suất 9,3 MW, được xây dựng với tổng kinh phí là 179 tỷ đồng⁷ theo phương thức BO. Sau 3 năm xây dựng, đến tháng 5/2003, Nhà máy hoàn thành và đi vào hoạt động, thực hiện nhiệm vụ cung cấp nguồn điện năng cho khu vực lòng chảo Điện Biên và các vùng phụ cận.

Dự án thủy điện Nà Lội là công trình thủy điện có công suất lớn nhất tại Điện Biên, được xây dựng trên sông Nậm Rốm, tại địa bàn 2 Xã Nà Tấu và Xã Thanh Minh TP Điện Biên. Công trình sử dụng thủy năng của sông Nậm Rốm, là con sông bắt nguồn từ dãy núi Pa Thoong, cao 1.873 m so với mực nước biển, sông nằm dọc lòng chảo Mường Thanh (Điện Biên) trước khi nhập vào sông Mê Kông ở Pắc U (CHDCND Lào). Diện tích lưu vực sông Nậm Rốm là 1.650 m², lượng nước trung bình hàng năm là 280.160 m³, phân bổ dòng chảy hai mùa: mùa mưa 80-85% lượng nước, mùa khô chiếm 20-25%.

Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lội được thành lập theo Quyết định số 1023 QĐ/BXD ngày 29/7/2003 của Bộ

⁷ Theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 23/07/2003.

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

trường Bộ Xây dựng về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Nà Lơi - Công ty Sông Đà 11, doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2303000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lai Châu cấp ngày 25/08/2003, được đăng ký lại lần 1 ngày 01/06/2004 với số 6203000002 do Sở kế hoạch và Đầu tư Ủy ban Nhân dân Tỉnh Điện Biên cấp và đăng ký thay đổi lần 5 ngày 07/05/2012 với số ĐKKD mới là 5600170450.

, Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (*trước đây là Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội*), ngày giao dịch đầu tiên 14/12/2006.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa X kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 12 tháng 06 năm 1999.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát, của Hội đồng quản trị và của các kiểm toán viên;
- Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số thành viên của Hội đồng quản trị (HĐQT) gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty. Quyết định mức lương và các lợi ích khác của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng. Miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng nếu có bằng chứng chứng minh họ không đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ được giao phó hoặc họ có hành vi

BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

vi phạm pháp luật, Điều lệ của Công ty hoặc Hội đồng quản trị cho rằng việc miễn nhiệm hoặc cách chức là cần thiết và vì lợi ích tối cao của Công ty;

- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. Xác định mức cổ tức, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Đề xuất tới Đại hội đồng cổ đông về việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Ban Kiểm soát bao gồm những người thay mặt Cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát có các quyền hạn và trách nhiệm như sau:

- Được Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;
- Kiến nghị các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc gồm Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc có các quyền hạn và nhiệm vụ như sau:

- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;

BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (*nếu có*) cho người lao động trong Công ty;
- Đại diện Công ty trước pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp có liên quan đến Công ty.
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

CÁC PHÒNG BAN CHỨC NĂNG CỦA CÔNG TY

Phòng Nghiệp vụ tổng hợp

Phòng nghiệp vụ tổng hợp là phòng chuyên môn, nghiệp vụ tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty các công tác như : Kỹ thuật; An toàn - Bảo hộ lao động; Vật tư cơ giới; Kinh tế - Kế hoạch; Nghiên cứu đề án cải tiến kỹ thuật và các công tác đầu tư của Công ty.

Phòng Tài chính kế toán

Phòng Tài chính kế toán có các chức năng sau:

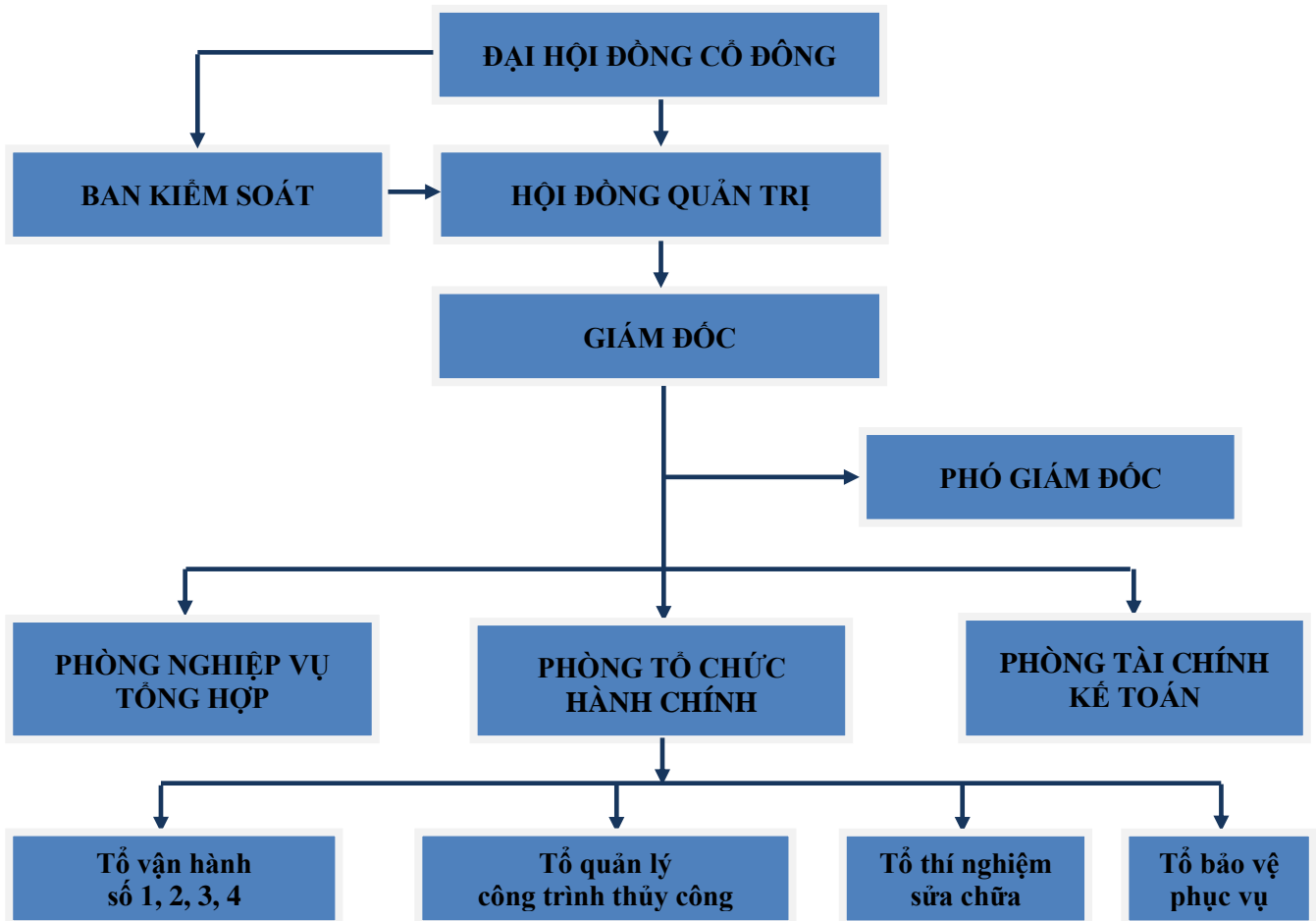
- Đề xuất các hình thức và giải pháp cần thiết nhằm thu hút, tạo lập và sử dụng hợp lý các nguồn tài chính, các quỹ tiền tệ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.
- Giúp Ban lãnh đạo Công ty trong việc chấp hành các quy định về tài chính, tín dụng, chế độ kế toán của Nhà nước cũng như của Công ty.
- Giúp Ban lãnh đạo Công ty kiểm soát đồng tiền các hoạt động kinh tế trong Công ty theo các quy định về quản lý Kinh tế của Nhà nước và của Công ty.
- Kiểm soát hoạt động tài chính của Công ty theo đúng quy định của Nhà nước và phân cấp quản lý của Công ty.
- Tổ chức hạch toán kinh tế toàn Công ty.
- Và các nhiệm vụ khác theo phân công.

Phòng Tổ chức Hành chính

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Phòng Tổ chức Hành chính có các chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc về công tác: Tổ chức, lao động, tiền lương; Hành chính văn phòng; Thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động; Công tác thi đua khen thưởng, thanh tra, kỷ luật, lưu trữ, lễ tân; Công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ an ninh trật tự, tài sản của Công ty thuộc trách nhiệm và thẩm quyền, phòng chống cháy nổ khỏi văn phòng.

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: NLC

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần tại ngày 26/03/2014

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ ĐKSH	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN NẪM GIỮ	TỶ LỆ NẪM GIỮ
1	Tổng Công ty Sông Đà	0100105870	Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình,	2.550.000	51,00%

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

			huyện Từ Liêm, Tp. Hà Nội		
2	Nguyễn Như Song	024158711	215 Đường Số 8, Khu B, Đô Thị An Phú, An Khánh, Phường An Phú, Q2, TPHCM	286.700	5,73%
Tổng cộng				2.836.700	56,73%

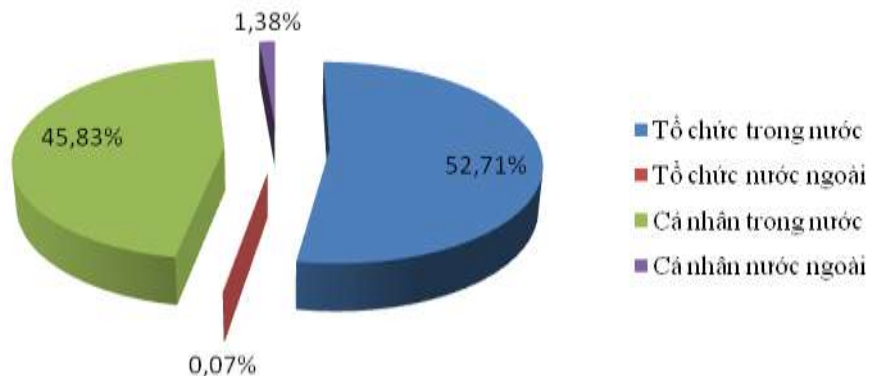
Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 26/03/2014 của NLC

3.2. Cơ cấu cổ đông tại ngày 26/03/2014

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
I	Trong nước	452	4.927.200	98,54%
1	Tổ chức	4	2.635.630	52,71%
2	Cá nhân	448	2.291.570	45,83%
II	Nước ngoài	24	72.800	1,46%
1	Tổ chức	2	3.700	0,07%
2	Cá nhân	22	69.100	1,38%
TỔNG CỘNG		476	5.000.000	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 26/03/2014 của NLC

Cơ cấu cổ đông



4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát

hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Công ty mẹ - Tổng Công ty Sông Đà

- Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà - Đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 38541164 Fax: (84-4) 38541161
- Số ĐKKD: 0100105870
- Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ: **51%** vốn điều lệ, tương đương **2.550.000 (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn)** cổ phiếu.

5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Công ty không tăng vốn kể từ ngày thành lập đến nay.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Hoạt động kinh doanh chính của CTCP Thủy điện Nà Loi là đầu tư, xây dựng, quản lý vận hành dự án nhà máy thủy điện Nà Loi với công suất 9,3 Mw.

Nhà máy thủy điện Nà Loi

- **Địa điểm nhà máy:** Xã Thanh Minh – TP. Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên.
- **Ngày khởi công:** 05/12/2000
- **Ngày hoàn thành:** 07/05/2003
- **Ngày phát điện và hòa lưới điện quốc gia:** Ngày 08/03/2003, tổ máy số 1 Nhà máy Thủy điện Nà Loi đã chính thức vận hành, hòa nguồn điện vào lưới điện quốc gia. Tháng 5/2003, Nhà máy chính thức được khánh thành và đưa vào vận hành thương mại với 03 tổ máy, đạt công suất 9,3 MW và là công trình thủy điện có công suất lớn nhất Điện Biên.
- **Hình thức đầu tư:** BOO (*công ty tự bỏ vốn xây dựng và vận hành khai thác*).
- **Tổng vốn đầu tư (đã kiểm toán):** ~ 179 tỷ đồng
- **Công suất thiết kế:** 9,3 MW
- **Số tổ máy:** 03
- **Sản lượng điện trung bình:** 46,29 triệu KWh/năm
- **Hợp đồng mua bán điện ký giữa NLC và Công ty Điện lực 1 – EVN ngày 10/09/2004:** Giá bán điện cố định 0,042 USD/kwh cố định trong 25 năm. Nếu tại thời điểm thanh toán, tỷ giá công bố giữa USD và VNĐ biến đổi qua mức $\pm 5\%$ so với tỷ giá áp dụng cho lần thanh toán gần nhất thì tiền thanh toán được quy đổi theo tỷ giá mới để điều chỉnh lại đơn giá mua bán điện.

CƠ CẤU DOANH THU THUẬN THEO GIÁ TRỊ DỊCH VỤ

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Đơn vị: triệu đồng

STT	SẢN PHẨM	NĂM 2012		NĂM 2013		6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán điện thương phẩm	49.784	99,07%	49.494	99,46%	21.131	99,38%
2	Doanh thu cho thuê đường dây tải điện	93	0,19%	154	0,31%	131	0,62%
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ đào tạo	143	0,29%	116	0,23%	-	-
4	Doanh thu xây lắp	230	0,46%	-	-	-	-
Doanh thu thuần		50.250	100,00%	49.764	100,00%	21.262	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2014 của NLC

Doanh thu ổn định trong giai đoạn 2012 - Quý II/2014. So với năm 2012, năm 2013 doanh thu thuần giảm nhẹ từ 50,25 tỷ về 49,76 tỷ; 6 tháng đầu năm 2014, doanh thu thuần đạt 21,26 tỷ đồng, đạt mức tốt dù vẫn chưa đến mùa mưa. Nguyên nhân chủ yếu do đặc thù của ngành thủy điện là phụ thuộc vào nguồn nước thiên nhiên. Chính nhờ sự ổn định của nguồn nước thiên nhiên cùng với các điều kiện thời tiết là những yếu tố chính tạo nên sự ổn định của sản lượng điện, doanh thu thuần của nhà máy thủy điện Nà Loi trong giai đoạn trên.

Doanh thu chủ yếu đến từ hoạt động sản xuất điện thương phẩm. Trong cơ cấu doanh thu của thủy điện Nà Loi, có thể thấy doanh thu từ hoạt động sản xuất điện thương phẩm luôn chiếm trên **99%** tổng doanh thu tính từ 2012 đến nay. Hoạt động cung cấp dịch vụ đào tạo, cho thuê đường dây tải điện, xây lắp mang lại doanh thu không đều trong các năm qua và cũng chiếm chưa đầy **1%** tổng doanh thu.

CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP THEO GIÁ TRỊ DỊCH VỤ

Đơn vị: triệu đồng

STT	SẢN PHẨM	NĂM 2012		NĂM 2013		6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Lợi nhuận bán điện thương phẩm	15.476	99,29%	20.620	99,18%	10.199	98,73%
2	Lợi nhuận cho thuê đường dây tải điện	93	0,60%	154	0,74%	131	1,27%
3	Lợi nhuận cung cấp dịch vụ đào tạo	6	0,04%	16	0,08%	-	-
4	Lợi nhuận xây lắp	11	0,07%	-	-	-	-

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

STT	SẢN PHẨM	NĂM 2012		NĂM 2013		6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
	Lợi nhuận gộp	15.586	100,00%	20.790	100,00%	10.329	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2014 của NLC

Lợi nhuận bán điện thương phẩm chiếm gần 100% Lợi nhuận gộp của Công ty. Bên cạnh yếu tố ổn định về thời tiết giúp Công ty gần như giữ vững sản lượng điện từ đó Doanh thu 2013 chỉ giảm nhẹ so với năm 2012, năm 2013 Giá vốn điện thương phẩm của Công ty giảm đáng kể so với năm 2012 (28.87 tỷ năm 2013 so với 34,31 tỷ trong năm 2012). Có được điều này do ngay từ những tháng đầu năm 2013 Công ty đã xây dựng kế hoạch vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, sản xuất hợp lý, giảm thiểu thời gian dừng máy do sự cố; công tác duy tu bảo dưỡng được thực hiện tốt vào mùa khô nên công tác vận hành vào mùa mưa được liên tục không bị gián đoạn; máy móc thiết bị luôn ở trong tình trạng tốt.

6.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành

Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 và nghị quyết HĐQT, Công ty đã triển khai thực hiện một số công tác đầu tư như sau:

- Dự án thủy điện Nậm Khẩu Hu (*chưa bị đầu tư*):

Dự án thủy điện Nậm Khẩu Hu – tỉnh Điện Biên. Hội đồng thành viên Tổng công ty Sông Đà đã thông qua dự án đầu tư tại Nghị quyết số 216/ TCT-HĐTV ngày 22/08/2013. Tháng 9/2013 đơn vị làm thủ tục xin gia hạn Giấy chứng nhận đầu tư công trình thủy điện Nậm Khẩu Hu theo các quy định hiện hành. Ngày 4/10/2013 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên có văn bản trả lời số 1074/SKHĐT-KTĐN, gửi kèm công văn số 2703/UBND-CN ngày 01/10/2013 của UBND tỉnh Điện Biên. Theo đó Dự án thủy lợi Nậm Khẩu Hu là công trình nằm trong danh mục các công trình hoãn, giãn tiến độ đến sau năm 2015. UBND tỉnh Điện Biên sẽ xem xét việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư của dự án khi công trình thủy lợi Nậm Khẩu Hu (do ban quản lý chuyên ngành Sở NN & PTNT tỉnh Điện Biên làm chủ đầu tư) được bố trí vốn để tiếp tục triển khai thực hiện. Nên dự án thủy điện Nậm Khẩu Hu do công ty làm chủ đầu tư tạm dừng triển khai

- Đầu tư mua trục Rôto máy phát điện để thay thế:

Trong năm đơn vị đã mua và thay thế xong trục Rôto bị sự cố của 02 Tổ máy phát điện M1 và M2. Tất cả các công việc của việc thay thế được tính toán chính xác, phù hợp, đảm bảo tiến độ đưa các tổ máy trở lại vận hành an toàn, đạt yêu cầu kỹ thuật, khai thác hiệu quả.

- Cải tạo lòng hồ (nạo vét bùn cát lòng hồ Nhà máy do bị bồi lắng):

Công ty đã tiến hành triển khai thực hiện xong trong năm, đảm bảo dung tích hữu ích phục vụ tích nước lòng hồ cho việc phát điện.

6.3. Hoạt động Marketing

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Do đặc thù của hoạt động sản xuất kinh doanh điện chỉ có một khách hàng thu mua là Tập đoàn Điện lực Việt Nam EVN nên hoạt động Marketing của Công ty tập trung vào khách hàng này. Mục tiêu chủ yếu của hoạt động Marketing của Công ty là luôn luôn duy trì hình ảnh và mối quan hệ với khách hàng.

6.4. *Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền*

Hiện tại Công ty chưa đăng ký nhãn hiệu thương mại mà đang sử dụng biểu tượng của Tổng Công ty Sông Đà, phía dưới có thêm dòng chữ NALOI HSC.



NALOI HSC

Biểu tượng của Tổng Công ty Sông Đà đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 60204 theo Quyết định số A1024/QĐ-ĐK ngày 16/02/2005.

Nhãn hiệu “Sông Đà” theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66125 theo quyết định số A9294/QĐ-ĐK ngày 24/8/2005 của Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ và các nhãn hiệu theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66123 và 66124.

6.5. *Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết*

STT	TÊN HỢP ĐỒNG	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG	THỜI ĐIỂM KÝ KẾT	THỜI GIAN THỰC HIỆN	SẢN PHẨM	ĐỐI TÁC
1	Hợp đồng mua bán điện số 01/2004/NL-ĐL1	-	10/09/2004	Kể từ khi nhà máy vận hành thương mại	Điện thương phẩm	Công ty Điện lực 1 - Tổng Công ty Điện lực Việt Nam

Nguồn: NLC

Hợp đồng mua bán điện số 01/2004/NL-ĐL1: Giá bán điện cố định 0,042 USD/kwh cố định trong 25 năm. Nếu tại thời điểm thanh toán, tỷ giá công bố giữa USD và VNĐ biến đổi qua mức $\pm 5\%$ so với tỷ giá áp dụng cho lần thanh toán gần nhất thì tiền thanh toán được quy đổi theo tỷ giá mới để điều chỉnh lại đơn giá mua bán điện.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

- Kết quả hoạt động kinh doanh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA NLC

Đơn vị: đồng

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2012	NĂM 2013	% TĂNG GIẢM	6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014
1	Tổng giá trị tài sản	113.585.147.772	127.182.972.351	11,97%	135.048.345.113
2	Doanh thu thuần	50.250.169.083	49.763.981.454	-0,97%	21.261.587.260
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.314.337.622	17.540.320.730	55,03%	9.000.705.326
4	Lợi nhuận khác	-840.939.939	-	-	-
5	Lợi nhuận trước thuế	10.473.397.683	17.540.320.730	67,47%	9.000.705.326
6	Lợi nhuận sau thuế	10.025.899.152	16.247.444.253	62,05%	8.159.012.601
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%	42%	12%	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2014 của NLC

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi

- Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý vận hành nhà máy thủy điện, nên ngay từ những tháng đầu năm đơn vị đã xây dựng kế hoạch vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, sản xuất hợp lý, giảm thiểu thời gian dừng máy do sự cố.
- Đội ngũ kỹ thuật trẻ, năng động, công nhân kỹ thuật lành nghề đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật trình độ cao. Được thể hiện qua việc tự lắp đặt, căn chỉnh các tổ máy sau khi sửa chữa thay thế 2 trục Roto máy phát điện với thời gian tiến độ nhanh đảm bảo an toàn, hiệu quả.
- Được sự ủng hộ của các đơn vị trên địa bàn, đã tạo điều kiện cho nhà máy sản xuất được liên tục, an toàn và lượng điện sản xuất ra được tiêu thụ hết, công tác thu hồi vốn được nhanh chóng, thuận lợi.
- Khai thác được tối đa lượng nước điều tiết từ hồ Pa Khoang phục vụ công tác tưới tiêu cho Nông Nghiệp và xả kiệt lòng hồ để sửa chữa bảo dưỡng, Nhà máy đã khai thác được hết lượng nước không để tình trạng tràn đập, xả thừa.
- Công tác duy tu bảo dưỡng được thực hiện tốt vào mùa khô nên công tác vận hành vào mùa mưa được liên tục không bị gián đoạn. Máy móc thiết bị luôn ở trong tình trạng tốt nhất.

Khó khăn

Năm 2013 là năm kinh tế đất nước tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng suy giảm kinh tế thế giới và chính sách tài chính, tiền tệ thắt chặt của Chính phủ nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loì cũng như một số doanh nghiệp khác phải đối mặt với một số khó khăn, thử thách như giá nguyên nhiên vật liệu, vật tư phụ tùng thay thế, phục vụ sản xuất tăng cao, thiết bị nhà máy thủy điện đã đến thời kỳ trung tu, sửa chữa lớn nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2013 tỉnh Điện Biên triển khai Nghị định số: 99/2010/NĐ-CP ngày 24/09/2010 của chính phủ về việc thu phí dịch vụ môi trường rừng nên được đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh làm cho giá thành sản xuất điện tăng (khoảng 1,14 tỷ đồng), bên cạnh đó thuế tài nguyên hàng năm Nhà nước đều điều chỉnh tăng.

Trong năm 2013, công ty phân bổ giá trị còn lại của lợi thế kinh doanh là 7,7 tỷ đồng vào chi phí SXKD nên làm giảm lợi nhuận.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành;

Nắm giữ vai trò trung tâm trong hoạt động sản xuất, truyền tải và kinh doanh điện năng là Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). EVN được tổ chức theo mô hình công ty điện hợp nhất theo chiều dọc, kiểm soát từ hoạt động phát, truyền tải đến phân phối điện. Với vai trò là một tổng công ty, EVN sở hữu và vận hành các nhà máy điện thuộc 100% sở hữu Nhà nước và nắm giữ cổ phần của một số nhà máy điện độc lập.

Bên cạnh hệ thống phát điện trực thuộc EVN, các nhà máy điện độc lập (IPP) đã được phát triển từ năm 2002 để bán điện cho EVN theo các hợp đồng mua bán điện dài hạn. NLC là một trong những công ty nói trên.

Tổng công suất phát điện tại thời điểm cuối năm 2011 theo Báo cáo thường niên 2011 của EVN là 22.029 MW, trong đó thủy điện chiếm khoảng 37% nguồn cung. Như vậy, xét về công suất phát điện (9,3 MW) và quy mô vốn điều lệ (50 tỷ đồng) thì NLC chỉ là một công ty nhỏ trong ngành điện lực. Hoạt động sản xuất của NLC và đặc biệt là việc phát điện cho hệ thống của EVN cần nhiều sự hỗ trợ của công ty mẹ - Tổng Công ty Sông Đà.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Tương tự mục IV.8.2

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Công ty kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư tại Công ty, tối đa hoá lợi nhuận, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh, đem lại lợi ích tối ưu cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước thông qua các loại thuế, đem lại việc làm, tạo thu nhập cao cho người lao động.
- Tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của doanh nghiệp, trong công tác tư tưởng, công tác đoàn thể và công tác tổ chức cán bộ. Phát huy vai trò của tổ chức đoàn thể quần chúng (Công đoàn, Đoàn thanh niên, Nữ công...) tạo thành sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển của đơn vị.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Công ty lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh và Điều lệ tổ chức của Công ty phù hợp với năng lực hiện tại theo các quy định của Pháp luật. Thực hiện các

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

- Từng bước phát triển sản xuất kinh doanh sang đầu tư thực hiện các dự án xây dựng nhà máy thủy điện, lắp đặt sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị nhà máy thủy điện, đường dây và trạm biến áp.
- Xây dựng và phát triển nguồn lực con người mạnh về mọi mặt, đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, với trình độ học vấn và tay nghề cao, có năng lực quản lý và ứng dụng công nghệ mới.
- Tăng cường ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý, điều hành thiết kế thi công.

Như vậy, có thể thấy Định hướng phát triển, mục tiêu hoạt động của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành và chính sách của Nhà nước.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong công ty

Tổng số CBCNV làm việc tại Công ty tính tại thời điểm 30/06/2014 là 53 người.

STT	TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ %
1	Đại học và trên Đại học	14	26,42%
2	Cao đẳng + Trung cấp	4	7,54%
3	Công nhân kỹ thuật và trình độ khác	35	66,04%
Tổng cộng		53	100%

Nguồn: NLC

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Công ty đã thực hiện tốt chính sách cho người lao động với việc duy trì và thực hiện thường xuyên các mặt sau:

- Thực hiện ký HĐLĐ và đóng BHXH, BHYT, BHTN: 100% cán bộ lao động trong danh sách chính thức của Công ty được ký kết hợp đồng lao động và đóng BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;
- Công tác đào tạo: Thường xuyên đào tạo và nâng cao trình độ, kỹ năng quản lý cho CBCNV bao gồm: quản lý nhà nước, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, tin học,... Do đó, ngoài trình độ chuyên môn được đào tạo, đội ngũ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật luôn được trang bị những kiến thức kỹ năng nghiệp vụ mới đáp ứng nhiệm vụ của Công ty;
- Công tác tiền lương: đảm bảo thực hiện đúng chế độ chính sách của Nhà nước. Thu nhập bình quân người lao động luôn được cải thiện năm sau cao hơn năm trước;
- Công tác an toàn lao động: Được lãnh đạo đơn vị hết sức quan tâm sâu sát, đôn đốc kiểm tra thường xuyên từ việc trang cấp bảo hộ lao động, công tác huấn luyện an toàn cho người lao động trước khi vào làm việc,

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

nghiêm khắc đình chỉ công việc đối với những đơn vị, cá nhân không thực hiện đúng quy trình an toàn lao động và vệ sinh môi trường;

- Công tác chăm lo đời sống CBCNV: Thực hiện tốt các điều khoản đã ký trong thỏa ước lao động tập thể, tổ chức thực hiện tốt nội quy lao động và các chế độ chính sách của Nhà nước ban hành như: các chế độ ốm đau, thai sản, bệnh nghề nghiệp được thực hiện đầy đủ.

10. Chính sách cổ tức

Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận sau thuế của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã xin ý kiến cổ đông tại ĐHĐCĐ. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty. Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật.

Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty:

Chi tiêu	2012	2013
Tỷ lệ cổ tức chi trả	30%	42%

Nguồn: NLC

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh tại thời điểm 30/06/2014:

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Vốn chủ sở hữu	Ghi chú
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.127.816.574	
Tài sản cố định	57.475.576.874	
Vốn lưu động	18.801.651.646	
Chi phí trả trước dài hạn	8.277.296.097	
Tổng cộng	89.682.341.191	

Nguồn: NLC

- Trích khấu hao TSCĐ

Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 04 năm

- Mức lương bình quân:

Năm 2012 mức lương bình quân của CBCNV là: 7,6 triệu đồng/tháng

Năm 2013 mức lương bình quân của CBCNV là: 8,05 triệu đồng/tháng

- Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

- Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty được hưởng thuế ưu đãi do thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ. Theo đó Công ty được hưởng thuế TNDN như sau:

- ✓ Thuế suất ưu đãi 10% áp dụng trong thời gian 15 năm (từ năm 2004 đến năm 2018);
- ✓ Được miễn thuế 3 năm (từ năm 2004 đến năm 2006) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2015).

Năm 2013 là năm thứ 7 Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	1.110.599.663	385.286.089	596.769.553
Thuế TNDN	191.336.208	234.212.685	675.905.410
Thuế Thu nhập cá nhân	227.033.432	48.767.152	-13.659.882
Thuế tài nguyên	314.945.804	160.565.842	464.913.803
Tổng cộng	1.843.915.107	828.831.768	1.723.928.884

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2014 của NLC

- Trích lập các quỹ theo luật định

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Quỹ Đầu tư phát triển	26.523.328.590	26.523.328.590	26.523.328.590

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

KHOẢN MỤC	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Quỹ Dự phòng tài chính	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Quỹ Khen thưởng phúc lợi	14.563.661	-	3.431.449.069
Tổng cộng	31.537.892.251	31.523.328.590	34.954.777.659

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2014 của NLC

- Tổng dư nợ vay

Hiện tại Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi không có nợ quá hạn, không có dư nợ bảo lãnh.

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2012		31/12/2013		30/06/2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Vay và nợ ngắn hạn	1.354.306.300	100%	-	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	-	0%	-	-	-	-
Tổng dư nợ vay	1.354.306.300	100,00%	-	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2014 của NLC

- Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu của NLC

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Phải thu khách hàng	5.832.717.805	5.544.596.615	7.963.695.568
Trả trước người bán	1.641.703.549	309.206.050	250.068.000
Các khoản phải thu khác	104.104.000	1.174.280.228	183.767.889
Dự phòng phải thu khó đòi	(409.539.000)	-436.039.000	-462.539.000
Tổng cộng	7.168.986.354	6.592.043.893	7.934.992.457

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2014 của NLC

Các khoản phải trả của NLC

Đơn vị: đồng

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

KHOẢN MỤC	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Nợ ngắn hạn	7.722.547.027	5.072.927.353	45.366.003.922
Vay và nợ ngắn hạn	1.354.306.300	-	-
Phải trả người bán	24.408.000		89.861.683
Người mua trả tiền trước	540.000.000	540.000.000	613.500.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.843.915.107	828.831.768	1.737.588.766
Phải trả người lao động	1.694.022.838	1.108.667.600	673.886.793
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.251.331.121	2.595.427.985	38.819.717.611
Quỹ khen thưởng phúc lợi	14.563.661	-	3.431.449.069
Nợ dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	7.722.547.027	5.072.927.353	45.366.003.922

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác tăng đột biến tại thời điểm 30/06/2014 do Công ty chuẩn bị trả cổ tức năm 2012 và 2013 cho cổ đông vào ngày 31/07/2014, số tiền cổ tức chi trả là 36 tỷ đồng.

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2014 của NLC

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	KHOẢN MỤC	ĐƠN VỊ	NĂM 2012	NĂM 2013
1.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	4,51	11,01
	Hệ số thanh toán nhanh	lần	4,29	10,65
2.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,07	0,04
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,07	0,04
3.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	20,79	16,62
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	0,45	0,41
4.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	19,95%	32,65%

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

STT	KHOẢN MỤC	ĐƠN VỊ	NĂM 2012	NĂM 2013
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	9,49%	14,25%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	8,90%	13,50%
	Hệ số Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	22,52%	35,25%
	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	2.005	3.249

Nguồn: NLC

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Bạch Dương - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên : **NGUYỄN BẠCH DƯƠNG**

Giới tính : Nam

Số hộ chiếu : B3416305 Ngày cấp : 02/10/2009 Nơi cấp : Cục quản lý Xuất nhập cảnh

Ngày sinh : 11/12/1965 Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Nhà 54 Ngõ 639 Đường Hoàng Hoa Thám - Hà Nội

Quê quán : Vĩnh Phúc – Ba Đình – Hà Nội

Số điện thoại : 0437832398

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

- Từ 12/1987 - 06/1991 : đội trưởng đội hàn sắt tại Công ty Xây dựng Thủy công
- Từ 06/1991 - 2/1995 : Phó quản đốc, quản đốc phân xưởng cơ điện Công ty xây lắp năng lượng Sông Đà 11
- Từ 3/1995 - 12/1996 : Phó Giám đốc chi nhánh Sông Đà 11 tại Hà Nội
- Từ 1/1997 - 6/1999 : Trưởng phòng kế hoạch dự án Công ty Sông Đà 11
- Từ 7/1999 - 9/2001 : Giám đốc xí nghiệp 11.4 – Công ty CP Sông Đà 11
- Từ 10/2001 - 06/2003 : Trưởng phòng dự án. Trưởng phòng thị trường Công ty Sông Đà 11

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

- Từ 06/2003 - 09/2004 : Giám đốc ban quản lý các dự án của Công ty CP Sông Đà 11
- Từ 09/2004 - 04/2007 : Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 11
- Từ 04/2007 - 04/2010 : Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 11, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi
- Từ 04/2010 - 05/2014 : Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sông Đà 11, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi
- Từ 05/2014 - đến nay : Chủ tịch HĐQT SOMECO Sông Đà, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Chủ tịch HĐQT
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT SOMECO Sông Đà
Số lượng cổ phiếu NLC đang nắm giữ tại thời điểm 21/07/2014 : 1.300.000 cổ phần, chiếm 26% vốn điều lệ
Trong đó: Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
Đại diện sở hữu phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà : 1.300.000 cổ phần
Số lượng cổ phiếu NLC do người có liên quan nắm giữ : không
Các khoản nợ với Công ty : Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty : Không có

Ông Nguyễn Trung Kiên - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty

Họ và tên : **NGUYỄN TRUNG KIÊN**
Giới tính : Nam
Số CMND : 040243266 Ngày cấp : 28/6/2013 Nơi cấp : CA Điện Biên
Ngày sinh : 24/10/1979 Nơi sinh : Lai Châu
Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Số nhà 125 - Phố 3 - Phường Thanh Bình - TP Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên
Quê quán : Nam Bình - Kiến Xương - Thái Bình
Số điện thoại : 02303810339
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên : Kỹ sư điện, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

môn

Quá trình công tác :

- Từ 09/2002 - 06/2004 : Cán bộ kỹ thuật, điều độ lưới điện Nhà máy Thủy điện Nà Loi
- Từ 07/2004 - 05/2005 : Phó phòng Nghiệp vụ tổng hợp - Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi
- Từ 06/2005 - 09/2006 : Quyền trưởng phòng NVTH - Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi
- Từ 10/2006 - 04/2007 : Trưởng phòng NVTH - Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi
- Từ 05/2007 - 07/2009 : Trưởng phòng NVTH – Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi, Thành viên BKS Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi
- Từ 07/2009 - 05/2011 : Trưởng phòng NVTH – Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi, Thành viên BKS Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi, Thư ký Công ty
- Từ 06/2011 - 04/2012 : Phó giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi, Thư ký Công ty
- Từ 05/2012 đến nay : Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phiếu NLC đang nắm giữ tại thời điểm 21/07/2014 : 500.100 cổ phần, chiếm 10,002% vốn điều lệ

Trong đó: Sở hữu cá nhân : 100 cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà : 500.000 cổ phần

Số lượng cổ phiếu NLC do người có liên quan nắm giữ : không

Các khoản nợ với Công ty : không có

Lợi ích có liên quan với Công ty : không có

Ông Nguyễn Văn Minh - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên : **NGUYỄN VĂN MINH**

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Giới tính : Nam

Số CMND : 111658756 Ngày cấp : 21/03/2012 Nơi cấp : CA Hà Nội

Ngày sinh : 12/02/1970 Nơi sinh : Yên Bái

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số nhà 203 - Chung cư Sông Đà - Phường Văn Quán – Quận Hà Đông - Hà Nội.

Quê quán : Văn Phú – Trần Yên – Yên Bái

Số điện thoại : 0223830615

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện, Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

- 1994 - 1995 : Đội phó đội điện, Tổng Đội lắp máy, Công ty Xây lắp Năng lượng
- 1995 - 1997 : Trưởng Ban Kỹ thuật, Chi nhánh Công ty Xây lắp năng lượng
- 1997 - 1998 : Trưởng Ban Kinh tế - Kỹ thuật - Vận tải - Cơ giới, Xí nghiệp 11.1, Công ty Xây lắp Năng lượng
- 1998 - 1999 : Phó phòng Kinh tế - Cơ giới, Công ty Xây lắp Năng lượng
- 1999 - 2000 : Phó Giám đốc Chi nhánh, Công ty Xây lắp Năng lượng tại miền Nam
- 2000 - 2001 : Đội trưởng Đội xây lắp số 1, Công ty Xây lắp Năng lượng Sông Đà 11
- 2001 - 2002 : Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây lắp Năng lượng Sông Đà 11 tại Cần Đơn
- 2002 - 2003 : Giám đốc Nhà máy Thủy điện Nà Loi, Công ty Sông Đà 11
- 2003 - 2004 : Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi
- 06/2004 - 2012 : Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi
- Từ 2012 - 2013 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Từ 2013 đến nay : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi, Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến

Số lượng cổ phiếu NLC đang nắm giữ tại thời điểm 21/07/2014 : 502.900 cổ phần, chiếm 10,058% vốn điều lệ

Sở hữu cá nhân : 2.900 cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà : 500.000 cổ phần

Số lượng cổ phiếu NLC do người có liên quan nắm giữ : không

Các khoản nợ với Công ty : không có

Lợi ích có liên quan với Công ty : không có

Ông Bùi Xuân Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng

Họ và tên : **BÙI XUÂN TUẤN**

Giới tính : Nam

Số CMND : 013059822 Ngày cấp : 08/04/2008 Nơi cấp : CA Hà Nội

Ngày sinh : 28/05/1975 Nơi sinh : Hải Dương

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số nhà 5 - Ngõ 100 - Tổ 18 - Phố Sài Đồng - P. Sài Đồng - Long Biên - HN

Quê quán : Đức Hợp - Kim Bảng - Hưng Yên

Số điện thoại : 02303810339

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính kế toán

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Quá trình công tác :

- 10/2002 - 10/2003 : NV kế toán - Công ty Sông đà 11
- 11/2003 - 04/2005 : NV kế toán - Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi
- 04/2005 - 12/2010 : Thành viên BKS, NV phòng Tài chính kế toán CTCP Thủy điện Nà Lơi
- Từ 01/2011 đến nay : Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi
- Từ 06/2014 đến nay : Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phiếu NLC đang nắm giữ tại thời điểm 21/07/2014 : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu NLC do người có liên quan nắm giữ : không

Các khoản nợ với Công ty : không có

Lợi ích có liên quan với Công ty : không có

Ông Dương Văn Đông - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc Công ty

Họ và tên : **DƯƠNG VĂN ĐÔNG**

Giới tính : Nam

Số CMND : 121340302 Ngày cấp : 22/10/2003 Nơi cấp : CA Bắc Giang

Ngày sinh : 12/12/1979 Nơi sinh : Bắc Giang

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Phường Mường Thanh - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

Quê quán : Hương Câu - Hương Lâm - Hiệp Hòa - Bắc Giang

Số điện thoại : 02303810339

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện

Quá trình công tác :

- 08/2002 - 12/2005 : Trưởng ca vận hành Nhà máy thủy điện Nà Loi
- 01/2006 - 09/2008 : CB kỹ thuật phòng NVTH – Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi
- 10/2008 - 03/2010 : Phó phòng NVTH - Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi
- 04/2010 - 05/2012 : Trưởng phòng TCHC, Thành viên Ban kiểm soát Công ty
- 05/2012 - 07/2012 : Trưởng phòng NVTH, Thành viên Ban kiểm soát Công ty
- 07/2012 - 06/2014 : Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi
- 06/2014 đến nay : Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phiếu NLC đang nắm giữ tại thời điểm 21/07/2014 : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu NLC do người có liên quan nắm giữ : không

Các khoản nợ với Công ty : không có

Lợi ích có liên quan với Công ty : không có

12.2. Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trung Kiên - Giám đốc - như 12.1

Ông Dương Văn Đông - Phó Giám đốc - như 12.1

12.3. Ban Kiểm soát

Ông Trịnh Xuân Mạnh - Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên : **TRỊNH XUÂN MẠNH**

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Giới tính : Nam

Số CMND : 172022022 Ngày cấp : 14/08/2013 Nơi cấp : CA Thanh Hoá

Ngày sinh : 09/12/1986 Nơi sinh : Thanh Hoá

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : số 10/44 Trần Công Hiến, P. Bình Hàn, Tp. Hải Dương

Quê quán : Thiệu Vũ - Thiệu Hoá - Thanh Hoá

Số điện thoại : 0438541164

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán

Quá trình công tác :

- 09/2009 - 05/2012 : Nhân viên phòng TCKT - CTCP Luyện thép Sông Đà
- 06/2012 - 05/2013 : Nhân viên phòng TCKT - CTCP Thép Việt - Ý
- 06/2013 - 06/2014 : Chuyên viên Ban TCKT - TCT Sông Đà
- Từ 06/2014 đến nay : Chuyên viên Ban TCKT - TCT Sông Đà. Trưởng Ban kiểm soát CTCP Thủy điện Nà Loi

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phiếu NLC đang nắm giữ tại thời điểm 21/07/2014 : 250.000 cổ phần, chiếm 5,00% vốn điều lệ

Trong đó: Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn TCT Sông Đà : 250.000 cổ phần

Số lượng cổ phiếu NLC do người có liên quan nắm giữ : không

Các khoản nợ với Công ty : không có

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Lợi ích có liên quan với Công ty : không có

Ông Phạm Trung Thành - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên : **PHẠM TRUNG THÀNH**
Giới tính : Nam
Số CMND : 040257132 Ngày cấp : 13/02/2009 Nơi cấp : CA Điện Biên
Ngày sinh : 20/05/1980 Nơi sinh : Lai Châu
Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Phường Him Lam - TP. Điện Biên - Tỉnh Điện Biên
Quê quán : Vũ Thư - Thái Bình
Số điện thoại : 02303.810932
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân điện
Quá trình công tác :
– Từ 2002 - 2007 : Trưởng ca vận hành Nhà máy Thủy điện Nà Loi
– Từ 2007 - 2012 : Cán bộ kỹ thuật phòng NVTH Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi
– Từ 2013 đến nay : Cán bộ kỹ thuật phòng NVTH, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
Số lượng cổ phiếu NLC đang nắm giữ tại thời điểm 21/07/2014 : 2.100 cổ phần chiếm 0,042% vốn điều lệ
Sở hữu cá nhân : 2.100 cổ phần
Đại diện sở hữu phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà : 0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu NLC do người có liên quan nắm giữ : không
Các khoản nợ với Công ty : Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty : Không có

Ông Vũ Trường Giang - Thành viên Ban kiểm soát

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Họ và tên : **VŨ TRƯỜNG GIANG**
Giới tính : Nam
Số CMND : 012369794 Ngày cấp : 06/04/2012 Nơi cấp : CA Hà Nội
Ngày sinh : 04/08/1983 Nơi sinh : Nam Định
Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Phòng 304 TT Viện Nhi, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội
Quê quán : Kiến Xương, Thái Bình
Số điện thoại : 0462811489
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân ngành Kế toán
Quá trình công tác :
– Từ 2006 đến nay : Nhân viên Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam
– Từ 06/2014 đến nay : Nhân viên Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam; Thành viên BKS Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Thành viên BKS
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Trưởng phòng Nghiệp vụ 1 - Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam
Số lượng cổ phiếu NLC đang nắm giữ tại thời điểm 21/07/2014 : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu NLC do người có liên quan nắm giữ : không
Các khoản nợ với Công ty : Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty : Không có

12.4. Kế toán trưởng

Ông Bùi Xuân Tuấn - như 12.1

13. Tài sản

Tình hình TSCĐ của NLC tại ngày 31/12/2013

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ	KHẤU HAO LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
TSCĐ Hữu hình	148.746.280.790	88.328.996.365	60.417.284.425

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ	KHẤU HAO LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
Nhà cửa vật kiến trúc	101.947.572.267	43.187.122.069	58.760.450.198
Máy móc thiết bị	44.981.826.691	43.989.977.590	991.849.101
Phương tiện vận tải	1.531.420.130	880.823.891	650.596.239
Thiết bị quản lý	285.461.702	271.072.815	14.388.887

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 của NLC

Tình hình TSCĐ của NLC tại ngày 30/06/2014

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ	KHẤU HAO LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
TSCĐ Hữu hình	148.746.280.790	91.502.700.727	57.243.580.063
Nhà cửa vật kiến trúc	101.947.572.267	45.312.764.797	56.634.807.470
Máy móc thiết bị	44.981.826.691	44.981.826.691	0
Phương tiện vận tải	1.531.420.130	930.869.753	600.550.377
Thiết bị quản lý	285.461.702	277.239.486	8.222.216

Nguồn: BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2014 của NLC

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của NLC: không có
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu phát hành: không có.

VI. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH

1. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
2. **Loại cổ phiếu:** phổ thông
3. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
4. **Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành:** 5.000.000 (Năm triệu) cổ phiếu
5. **Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:**

Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá): 50.000.000.000 (Năm mươi tỷ) đồng.

6. **Thời gian dự kiến phát hành:** Quý III và Quý IV năm 2014

Trong thời hạn 90 ngày và thời gian gia hạn phát hành (nếu cần) kể từ ngày được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu.

7. Tỷ lệ chuyển đổi

- NLC : SJD = 1: 1 (Nghĩa là 01 cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi đổi lấy 01 cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn).

Nguyên tắc làm tròn: Do tỷ lệ hoán đổi là 1:1 nên không phát sinh cổ phiếu lẻ.

8. Đối tượng chuyển đổi

Toàn bộ cổ đông có tên trong Danh sách người sở hữu cuối cùng cổ phiếu NLC tại ngày Đăng ký cuối cùng hưởng quyền nhận cổ phiếu hoán đổi.

9. Phương thức phân phối

- Đối với các cổ đông đã lưu ký chứng khoán: hoán đổi thông qua các thành viên lưu ký;
- Đối với các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: hoán đổi tại trụ sở chính của NLC. Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi xuất trình chứng minh thư nhân dân và Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần để được hoán đổi thành Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cổ phần SJD.

10. Thời gian và lịch trình thực hiện phân phối cổ phiếu

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
1	Nhận Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán từ UBCKNN.	D
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông NLC hưởng quyền hoán đổi cổ phiếu SJD. Đồng thời SJD chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2013.	D đến D+2
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên một tờ báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số	D đến D+7

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
	báo liên tiếp.	
4	Nộp Hồ sơ hủy niêm yết cổ phiếu NLC	D+4
5	Nhận chấp thuận Hủy niêm yết cổ phiếu NLC	D+14
6	Ngày giao dịch không hưởng quyền hoán đổi cổ phiếu của cổ đông NLC, không hưởng quyền nhận cổ tức SJD, ngày hủy niêm yết cổ phiếu NLC.	D+24
7	Ngày đăng ký cuối cùng hoán đổi cổ phiếu NLC, nhận cổ tức SJD.	D+26
8	Tổng hợp danh sách cổ đông NLC thực hiện hoán đổi.	D+32
10	Tiến hành hoán đổi cổ phiếu.	D+33 đến D+53
11	- Báo cáo UBCKNN kết quả đợt phát hành. - Nộp Hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung.	D+33 đến D+40
13	Nhận Giấy phép Lưu ký bổ sung và Đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu SJD.	D+62
14	Công bố thông tin về việc niêm yết bổ sung cổ phiếu SJD.	D+63
15	Cổ phiếu SJD phát hành thêm chính thức giao dịch tại HSX.	D+70

11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài

Theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam: “Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm cả cổ đông nước ngoài hiện hữu) không vượt quá 49% vốn điều lệ của một công ty đại chúng”.

- Tại thời điểm 18/03/2014, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu SJD của các nhà đầu tư nước ngoài là 29,25%.
- Tại thời điểm 26/03/2014, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu NLC của các nhà đầu tư nước ngoài là 1,46%.

Sau khi sáp nhập, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài tại SJD dự kiến là 26,23 % (tính trên vốn điều lệ dự kiến sau sáp nhập), tỷ lệ sở hữu vẫn đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Cổ phiếu SJD phát hành thêm để hoán đổi lấy cổ phiếu NLC được tự do chuyển nhượng.

13. Cam kết tuân thủ Luật Doanh nghiệp 2005 về sáp nhập và sửa đổi Điều lệ sau sáp nhập theo đúng quy định hiện hành và các quy định của Luật cạnh tranh

- Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn cam kết tuân thủ các quy định về sáp nhập doanh nghiệp được quy định tại Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2005.
- Sau sáp nhập, Điều lệ hoạt động Công ty nhận sáp nhập (Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn) sẽ được

sửa đổi cho phù hợp với quy mô vốn mới và đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

14. Các loại thuế có liên quan

Đối với hoạt động đầu tư chứng khoán

Thuế thu nhập cá nhân

Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH-12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Thuế Thu nhập cá nhân có quy định:

- *Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập cổ tức:*

Theo qui định trong Thông tư số 84/2008/TT-BTC “*Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân*”, ban hành ngày 30/09/2008, và Thông tư số 62/2009/TT-BTC “*Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Thông tư số 84/2008/TT-BTC*” ban hành ngày 27/03/2009, nhà đầu tư sẽ phải đóng thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ cổ tức (*đối với cổ tức bằng tiền*). Khoản thu nhập này được xác định là thu nhập từ đầu tư vốn.

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = cổ tức nhận được x thuế suất 5%.

Theo Nghị quyết số 08/2011/QH13 “*Nghị quyết về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân*”, ban hành ngày 06/08/2011, tiết 3 điều 1 quy định miễn thuế thu nhập cá nhân như sau: “*Miễn thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012 đối với cổ tức được chia cho cá nhân từ hoạt động đầu tư vào thị trường chứng khoán, góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp trừ cổ tức của các ngân hàng cổ phần, quỹ đầu tư tài chính, tổ chức tín dụng*”

- *Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:*

Cũng theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC. thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán bao gồm thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại khác theo quy định của Luật Chứng khoán thuộc diện thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân.

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%. Cách tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất 20%

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Cách tính thuế phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng x Thuế suất 0,1%

Mọi trường hợp chuyển nhượng chứng khoán không phân biệt nộp thuế theo thuế suất 0,1% hay 20% đều phải khấu trừ thuế trước khi thanh toán cho người chuyển nhượng. Căn cứ để xác định số thuế khấu trừ là giá chuyển nhượng chưa trừ các khoản chi phí nhân với thuế suất 0,1%.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp

Hiện tại, Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn được hưởng chính sách ưu đãi Thuế Thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Theo Giấy phép Đầu tư số 04/GP-ĐTTN ngày 15/09/1999 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 04/GPĐT-ĐTTN ngày 28/05/2001, Công ty được ưu đãi theo mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 09 năm tiếp theo đối với thu nhập phát sinh từ sản xuất và kinh doanh điện;
- Theo Công văn số 11996/BTC-CST ngày 05/09/2012 của Bộ Tài chính về việc chuyển đổi thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp BOT, Công ty được hưởng ưu đãi theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm kể từ năm 2010.

Các loại thuế khác

Các loại thuế và mức thuế suất khác tuân thủ theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán cổ phiếu

Phát hành 5.000.000 cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi theo phương án được thông qua tại Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 30/06/2014 của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn và Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên của Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi.

2. Phương án khả thi

2.1 Hình thức sáp nhập

SJD phát hành cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ số cổ phiếu của NLC do các cổ đông NLC nắm giữ theo tỷ lệ được các bên thống nhất. Cổ đông của NLC sẽ chuyển thành cổ đông của SJD, có đầy đủ quyền và nghĩa vụ như những cổ đông hiện hữu của SJD. NLC sẽ có duy nhất một chủ sở hữu là SJD. Sau sáp nhập, NLC sẽ chuyển đổi từ mô hình công ty cổ phần sang Chi nhánh của SJD.

2.2 Tỷ lệ hoán đổi cổ phần:

- NLC : SJD = 1: 1. Theo đó, 01 cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi đổi lấy 01 cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn

Cơ sở xác định tỷ lệ chuyển đổi:

- Tỷ lệ hoán đổi được xác định dựa trên kết quả định giá cổ phiếu SJD, NLC theo phương pháp chiết khấu dòng tiền, tỷ lệ hoán đổi được làm tròn đến 02 chữ số sau dấu thập phân.
- Căn cứ trên cơ sở tỷ lệ xác định hoán đổi cổ phần, đề xuất của Hội đồng quản trị, tỷ lệ hoán đổi cổ phần được Đại hội đồng cổ đông của SJD, NLC thông qua.

Phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF):

Giá cổ phiếu được xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền dựa trên các căn cứ sau:

- Dự phóng báo cáo tài chính của doanh nghiệp;
- (FCFF) là dòng tiền dự kiến có thể tạo ra trong tương lai và là dòng tiền thuộc về các chủ nợ và các cổ đông của công ty;
$$FCFF = EBIT \cdot (1 - t) - (CAPEX - \text{Khấu hao}) - \text{Thay đổi ròng vốn lưu động}$$
- vững và tốc độ tăng trưởng bền vững trong dài hạn được giả định ở mức 2% (tương đương với tốc độ tăng trưởng gộp CAGR của dòng tiền);
- Sử dụng chi phí vốn bình quân gia quyền (WACC) để chiết khấu dòng tiền tương lai của doanh nghiệp về thời điểm hiện tại;

Giá trị vốn chủ sở hữu = Giá trị toàn doanh nghiệp + Tiền & các khoản tương đương tiền – Vay nợ ngắn và dài hạn.

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Tỷ lệ hoán đổi theo phương pháp chiết khấu dòng tiền:

Chỉ tiêu	SJD	NLC
Giá cổ phiếu (đồng/ cổ phần)	32.142	33.627
Tỷ lệ hoán đổi	0,96	
Tỷ lệ làm tròn	1,00	

* **Ghi chú:** - Tỷ lệ 1 tức là 1 cổ phiếu NLC đổi được 1 cổ phiếu SJD.

Căn cứ vào tỷ lệ hoán đổi được tính toán ở trên, số lượng cổ phần SJD cần phát hành thêm để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phần NLC (SJD và NLC không sở hữu chéo nhau) là:

Chỉ tiêu	TLHD	SLCP	SLCP SJD cần phát hành để hoán đổi
NLC	1:1	5.000.000	5.000.000

Như vậy số lượng cổ phần SJD cần phát hành thêm để hoán đổi toàn bộ cổ phần NLC là **5.000.000** cổ phần, theo đó vốn điều lệ của SJD sau sáp nhập sẽ là 459.991.500.000 (bốn trăm năm mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi một triệu, năm trăm nghìn) đồng

Nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ: do tỷ lệ hoán đổi là 1:1 nên không có cổ phiếu lẻ phát sinh.

2.3 Hình thức hoạt động của NLC sau khi sáp nhập

NLC sẽ được chuyển đổi thành chi nhánh hạch toán phụ thuộc của SJD. Cơ cấu tổ chức của các chi nhánh được hình thành sau khi tổ chức lại NLC sẽ do Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc SJD quyết định, phù hợp với Điều lệ mới của SJD được Đại hội đồng cổ đông của các bên có liên quan thông qua.

2.4 Phương án sử dụng và chính sách đối với người lao động sau sáp nhập

Phương án sử dụng lao động: Đại hội đồng cổ đông của hai công ty thống nhất thông qua phương án tiếp tục sử dụng toàn bộ người lao động tại NLC trong năm đầu tiên ngay sau khi thực hiện sáp nhập. Sau 01 năm kể từ ngày hoàn tất việc sáp nhập, SJD có toàn quyền trong việc sử dụng lao động.

Chính sách đối với người lao động: trước mắt để tạo sự an tâm cho người lao động tại NLC thì chính sách lương, thưởng đối với người lao động tối thiểu sẽ được giữ nguyên như khi còn hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Sau 1 năm kể từ khi hoàn tất việc sáp nhập, tùy thuộc vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, SJD sẽ có quyền quyết định chính sách lương, thưởng đối với người lao động phù hợp với pháp luật và chính sách lương chung của SJD.

Ký kết lại hợp đồng với người lao động: Về nguyên tắc người lao động phải tiến hành ký kết lại Hợp đồng lao động với SJD sau khi công ty thực hiện chuyển đổi. Tuy nhiên, việc thanh lý hợp đồng với người lao động công ty cổ phần không phải thanh toán trợ cấp thôi việc cho người lao động mà thời gian người lao động tại các chi nhánh trực thuộc SJD sẽ được tính cả thời gian người lao động làm việc tại NLC.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH

**TỔ CHỨC ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH/ TƯ VẤN PHÁT HÀNH:
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS**



Trụ sở chính: 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3772 6868 Fax: (84-4) 3772 6131

Chi nhánh Hồ Chí Minh: Lầu 2, tòa nhà Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, HCM

Điện thoại: (84-8) 3823 3923 Fax: (84.8). 3827 7380

Website: www.kls.vn

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:
CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC**



Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 84.4.8241990/1 Fax: 84.4.8253973

Website: www.aasc.com.vn

IX. PHỤ LỤC

- Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty
- Phụ lục III:** Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán
- Phụ lục IV:** Các báo cáo tài chính
- Phụ lục V:** Danh mục các văn bản tài liệu liên quan đến thông tin công bố trong bản cáo bạch và các tài liệu pháp lý của dự án đầu tư (nếu có)
- Các phụ lục khác (nếu có)**

**BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Bình Phước, ngày 19 tháng 9 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**




NGUYỄN VĂN SƠN

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG



MAI NGỌC HOÀN



ĐÔNG VĂN TÂM

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2014

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG
TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM VĨNH THÀNH